

UBND QUẬN HÀ ĐÔNG
TRƯỜNG MẦM NON HOÀNG CÔNG



CHƯƠNG TRÌNH GD TRƯỜNG MN HOÀNG CÔNG GIAI ĐOẠN: 2025-2030
“Mô hình: Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”

Hà Nội tháng 8/2025

PHẦN MỘT NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

A. MỤC TIÊU GIÁO DỤC MẦM NON

Chương trình giáo dục tại Trường Mầm non Hoàng Công giai đoạn 2025-2030 được xây dựng nhằm cụ thể hóa mục tiêu chung của giáo dục mầm non theo Luật Giáo dục 2019, Chương trình Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo, phù hợp với định hướng phát triển nhà trường: "Trường học thông minh – Một khởi đầu hạnh phúc".

Mục tiêu của giáo dục mầm non là giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách thông qua chương trình giáo dục đa dạng và linh hoạt; Tạo điều kiện cho trẻ khám phá và phát huy khả năng sáng tạo thông qua các hoạt động giáo dục sáng tạo, khoa học và nghệ thuật, bên cạnh đó tích hợp giá trị văn hoá truyền thống để trẻ em được phát triển toàn diện trong một thế giới toàn cầu hoá. Đồng thời chuẩn bị sẵn sàng cho trẻ vào lớp một; hình thành và phát triển ở trẻ những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, khơi dậy và phát triển tối đa những khả năng tiềm ẩn, đặt nền móng cho việc học tập ở các cấp học tiếp theo và cho việc học tập suốt đời ở trẻ.

1. Tầm nhìn:

- Xây dựng Trường Mầm non Hoàng Công phấn đấu trở thành trường học thông minh, hiện đại – Nơi mỗi trẻ đều được đồng hành trên một hành trình sáng tạo, phát triển toàn diện về trí tuệ, kỹ năng và cảm xúc.

2. Sứ mệnh:

- Ươm mầm những thế hệ trẻ em có tư duy sáng tạo, độc lập.

- Xây dựng trường học thông minh, hiện đại.

- Đồng hành cùng phụ huynh nuôi dưỡng nhân cách và năng lực cho trẻ.

3. Giá trị cốt lõi:

- Yêu thương: Lấy tình yêu thương làm nền tảng để nuôi dưỡng nhân cách, tạo dựng môi trường giáo dục tích cực cho trẻ.

- Tôn trọng: Tôn trọng sự khác biệt, cá tính, nhu cầu và quyền lợi của mỗi trẻ.

- Sáng tạo: Khuyến khích tư duy sáng tạo, học hỏi không ngừng của cả cô và trẻ.

- Trách nhiệm: Đề cao tinh thần trách nhiệm trong mọi hoạt động giáo dục và quản lý.

- Hợp tác: Thúc đẩy sự hợp tác hiệu quả giữa giáo viên, phụ huynh và cộng đồng.

- Hội nhập: Trang bị cho trẻ nền tảng kỹ năng và phẩm chất để thích ứng và hội nhập với xã hội hiện đại.

4. Phương châm và hành động: "Trường học thông minh – Hành trình sáng tạo". Đồng hành cùng trẻ trong từng trải nghiệm, khơi nguồn đam mê học hỏi, sáng tạo, phát triển trí tuệ và cảm xúc. Mỗi trẻ là một hạt mầm được nuôi dưỡng để tỏa sáng trong tương lai.

B. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC

1. Lấy trẻ làm trung tâm:

- Chương trình được xây dựng trên quan điểm giáo dục cá nhân hóa, lấy trẻ làm trung tâm của các hoạt động giáo dục.
- Tôn trọng sự khác biệt về thể chất, nhận thức, cảm xúc và nhu cầu của mỗi trẻ.
- Tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm – khám phá – học tập thông qua chơi một cách tích cực, chủ động.

2. Đảm bảo tính toàn diện và phát triển cân đối:

- Chương trình hướng đến phát triển toàn diện các mặt: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ và tình cảm, kỹ năng xã hội.
- Đảm bảo sự hài hòa giữa hoạt động học tập – vui chơi – trải nghiệm thực tế – rèn luyện kỹ năng sống.
- Đổi mới phương pháp giáo dục, ứng dụng công nghệ, ứng dụng các phương pháp giáo dục hiện đại, tiên tiến, hội nhập quốc tế phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý trẻ mầm non.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, xây dựng mô hình trường học thông minh (Smart school).

3. Bảo đảm tính kế thừa và phát triển:

- Kế thừa có chọn lọc những thành tựu và kinh nghiệm của chương trình giáo dục mầm non hiện hành.
- Định hướng phát triển phù hợp với yêu cầu của giáo dục hiện đại, xu thế đổi mới giáo dục quốc gia và nhu cầu hội nhập quốc tế.

4. Gắn kết gia đình – nhà trường – cộng đồng

- Đẩy mạnh sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.
- Xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, hạnh phúc, an toàn để trẻ được phát triển tốt nhất.

C. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG, PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON VÀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

I. YÊU CẦU VỀ NỘI DUNG GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đảm bảo tính toàn diện:

- Nội dung giáo dục phải giúp trẻ phát triển hài hòa về các mặt: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.
- Nội dung phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nhu cầu của trẻ ở từng độ tuổi.
- Đáp ứng yêu cầu của Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nội dung giáo dục trong Chương trình Giáo dục Mầm non (theo Thông tư số 01/2021/TT-BGDĐT).

- Tích hợp các yếu tố hiện đại, sáng tạo, công nghệ thông minh phù hợp với mô hình “Trường học thông minh – Một khởi đầu hạnh phúc”.

2. Tính mở, linh hoạt và cá nhân hóa:

- Nội dung giáo dục có tính mở, cho phép giáo viên linh hoạt xây dựng kế hoạch, tổ chức các hoạt động phù hợp với đối tượng trẻ và điều kiện thực tế của nhà trường.

- Đảm bảo nguyên tắc giáo dục cá nhân hóa, tôn trọng sự khác biệt, khơi dậy tiềm năng riêng của từng trẻ.

3. Đa dạng hóa hình thức tổ chức:

- Nội dung giáo dục được tổ chức thông qua các hình thức: hoạt động học tập, vui chơi, trải nghiệm, khám phá, thực hành, hoạt động ngoài trời, hoạt động nhóm và cá nhân.

- Tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giáo dục STAEM, học tập dự án, giáo dục thông minh (smart education).

4. Gắn kết với gia đình và cộng đồng:

- Nội dung giáo dục được thiết kế có sự liên kết chặt chẽ với gia đình và cộng đồng, giúp trẻ dễ dàng hòa nhập với môi trường sống.

II. YÊU CẦU VỀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC MẦM NON

1. Lấy trẻ làm trung tâm:

- Phương pháp giáo dục phải lấy trẻ làm trung tâm, tôn trọng đặc điểm cá nhân, nhu cầu, hứng thú và khả năng riêng của mỗi trẻ.

- Tạo điều kiện để trẻ tự lựa chọn, tự trải nghiệm, tự khám phá và phát huy tính tích cực, chủ động trong quá trình học tập.

2. Học thông qua chơi và trải nghiệm thực tiễn:

- Xây dựng môi trường học tập thông qua hoạt động vui chơi, trải nghiệm thực tiễn, khơi gợi sự hứng thú và niềm vui học tập của trẻ.

- Sử dụng các hình thức học tập đa dạng: chơi mà học – học mà chơi, khám phá – sáng tạo, trải nghiệm – thực hành.

- Phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ.

- Phương pháp giáo dục cần phù hợp với từng độ tuổi, từng nhóm lớp; đảm bảo trẻ được phát triển tự nhiên, toàn diện.

- Linh hoạt, mềm dẻo trong việc lựa chọn phương pháp để đáp ứng sự đa dạng của trẻ.

3. Tích cực đổi mới và ứng dụng công nghệ giáo dục:

- Đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng hiện đại: giáo dục STEM, giáo dục theo dự án, giáo dục thông minh (Smart education), tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo (AI) trong tổ chức hoạt động giáo dục.

- Sử dụng các phương tiện, thiết bị giáo dục tiên tiến để hỗ trợ hiệu quả các hoạt động học tập.

4. Khuyến khích sự sáng tạo, phát triển tư duy của trẻ:

- Tạo môi trường kích thích trẻ suy nghĩ độc lập, sáng tạo, giải quyết vấn đề và phát triển khả năng giao tiếp.

- Khuyến khích trẻ đặt câu hỏi, tìm tòi khám phá thế giới xung quanh.

- Tăng cường hợp tác giữa giáo viên – phụ huynh – cộng đồng

- Xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa giáo viên, phụ huynh và cộng đồng trong việc giáo dục trẻ.

- Chia sẻ, trao đổi thông tin, phối hợp xây dựng các hoạt động giáo dục phong phú, hiệu quả, giúp trẻ phát triển toàn diện.

III. YÊU CẦU VỀ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ

1. Đánh giá mục tiêu giáo dục:

- Đánh giá sự phát triển của trẻ phải đảm bảo tính toàn diện, bao gồm các mặt: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội, thẩm mỹ và các năng lực nền tảng.

- Kết hợp đánh giá quá trình và kết quả học tập của trẻ trong các hoạt động giáo dục.

2. Đánh giá vì sự tiến bộ của trẻ:

- Đánh giá nhằm phát hiện sự tiến bộ của từng trẻ trong quá trình học tập, tạo động lực cho trẻ phát triển tiếp.

- Không so sánh trẻ này với trẻ khác; tôn trọng sự khác biệt, ghi nhận sự nỗ lực và thành tựu cá nhân của từng trẻ.

3. Đánh giá liên tục, kịp thời và linh hoạt:

- Đánh giá được thực hiện một cách liên tục, thường xuyên trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục.

- Sử dụng đa dạng phương pháp đánh giá: quan sát, trao đổi với trẻ, với phụ huynh, phân tích sản phẩm của trẻ, hồ sơ học tập.

4. Đảm bảo tính khách quan, công bằng, chính xác:

- Việc đánh giá phải được tiến hành khách quan, công bằng, minh bạch, phản ánh trung thực mức độ phát triển của trẻ.

- Giáo viên cần có kỹ năng nhận diện và ghi nhận sự phát triển của trẻ một cách kịp thời, chính xác.

5. Kết hợp giữa giáo viên – phụ huynh – nhà trường”

- Đánh giá sự phát triển của trẻ có sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên, nhà trường và phụ huynh.

- Thông tin đánh giá được phản hồi thường xuyên tới phụ huynh để cùng phối hợp hỗ trợ trẻ phát triển tốt nhất.

6. Ứng dụng công nghệ trong công tác đánh giá:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý, lưu trữ và phân tích dữ liệu đánh giá sự phát triển của trẻ.

- Hướng tới xây dựng hồ sơ học tập điện tử phục vụ quản lý và phát triển năng lực cá nhân của trẻ.

D. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Diện tích, không gian sử dụng:

- Nhà trường đảm bảo diện tích đất sử dụng theo quy định tiêu chuẩn thiết kế trường mầm non.
- Khuôn viên trường học được quy hoạch khoa học, xanh – sạch – đẹp – an toàn, tạo môi trường giáo dục thân thiện, phù hợp tâm sinh lý trẻ.

2. Phòng học và các phòng chức năng

- Nhà trường có 13 phòng học vàphòng chức năng.
- + Phòng học đảm bảo diện tích, ánh sáng, thông gió tự nhiên, được trang bị đầy đủ bàn ghế, tủ đồ dùng, đồ chơi phù hợp với từng độ tuổi.
- + Các phòng chức năng: phòng giáo dục thể chất, phòng âm nhạc, phòng thư viện, phòng tin học, phòng học thông minh (Smart Room) đáp ứng nhu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục tiên tiến.

3. Trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi:

- Đầy đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ cho các lĩnh vực phát triển: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.
- Đồ dùng, đồ chơi đảm bảo an toàn, thân thiện với trẻ, phù hợp với từng nhóm tuổi.
- Tăng cường đầu tư thiết bị công nghệ thông minh (máy chiếu, bảng tương tác, máy tính bảng, phần mềm giáo dục, hệ thống camera an ninh...).

4. Khu vực vui chơi ngoài trời:

- Sân chơi rộng rãi, có cây xanh, bóng mát; được trang bị các thiết bị vận động ngoài trời an toàn.
- Khu vực trải nghiệm thiên nhiên: vườn rau, vườn hoa, khu trải nghiệm STAEM... tạo cơ hội cho trẻ học tập thông qua trải nghiệm thực tiễn.

5. Hệ thống bếp ăn:

- Bếp ăn được xây dựng theo quy trình 1 chiều, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Khu vực vệ sinh cho trẻ sạch sẽ, tiện nghi, phù hợp độ tuổi, đảm bảo các tiêu chí về sức khỏe học đường.

6. Ứng dụng công nghệ trong quản lý và giảng dạy:

- Triển khai mô hình trường học thông minh (Smart School): ứng dụng công nghệ trong quản lý hành chính, quản lý học sinh, kết nối nhà trường – gia đình.

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

1. Số lượng và cơ cấu đội ngũ:

- Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của nhà trường được bố trí đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

- Tổng số cán bộ, GV, nhân viên trong năm học 2025-2026: 30 đ/c trong đó: Cán bộ quản lý: 03 người; GV: 18 người, nhân viên 9 người. CBQL đạt chuẩn, trên chuẩn 100%; GV có trình độ đào tạo từ Cao đẳng SPMN trở lên.

2. Trình độ chuyên môn:

- Cán bộ quản lý có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn theo quy định; có năng lực lãnh đạo, quản lý đổi mới, sáng tạo.

- Giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn, được bồi dưỡng thường xuyên về phương pháp giáo dục hiện đại, ứng dụng CNTT, giáo dục STEM, giáo dục thông minh, giáo dục theo dự án, giáo dục trải nghiệm...

- Nhân viên có trình độ chuyên môn phù hợp, được tập huấn nghiệp vụ đảm bảo thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và phục vụ trẻ.

3. Phẩm chất đạo đức, kỹ năng nghề nghiệp:

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, tận tâm, yêu nghề, yêu trẻ, có tinh thần trách nhiệm cao.

- Có kỹ năng tổ chức các hoạt động giáo dục linh hoạt, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non.

- Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy, thực hiện chuyển đổi số trong nhà trường.

4. Công tác bồi dưỡng, phát triển đội ngũ:

- Thường xuyên tổ chức bồi dưỡng chuyên môn – nghiệp vụ – kỹ năng mềm cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho đội ngũ tham gia các khóa đào tạo nâng cao trình độ, tiếp cận phương pháp giáo dục tiên tiến, kỹ năng ứng dụng công nghệ trong giáo dục.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên có phong cách chuyên nghiệp, thân thiện, truyền cảm hứng, đồng hành cùng trẻ và phụ huynh.

5. Văn hóa nhà trường:

- Xây dựng môi trường làm việc văn minh, đoàn kết, hợp tác, chia sẻ, tạo động lực cho đội ngũ phấn đấu, cống hiến và gắn bó lâu dài với nhà trường.

- Thực hiện dân chủ trong quản lý, khuyến khích đổi mới sáng tạo, xây dựng thương hiệu Trường Mầm non Hoàng Công là ngôi trường hạnh phúc – trường học thông minh – thân thiện với giáo viên và trẻ.

PHẦN HAI

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRẺ

A. MỤC TIÊU.

Chương trình giáo dục nhà trẻ tại Trường Mầm non Hoàng Công được xây dựng nhằm: Đảm bảo sự phát triển toàn diện cho trẻ từ 24 tháng đến 36 tháng tuổi, phù hợp với mục tiêu Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

1. Phát triển thể chất:

- Tăng cường sức khỏe, phát triển các kỹ năng vận động cơ bản (đi, chạy, leo trèo, cầm nắm...).
- Hình thành thói quen vệ sinh cá nhân, ăn uống khoa học, rèn luyện nề nếp sinh hoạt lành mạnh.

2. Phát triển nhận thức:

- Khuyến khích trẻ khám phá thế giới xung quanh thông qua các giác quan và trải nghiệm thực tế.
- Phát triển khả năng quan sát, so sánh, phân loại, ghi nhớ, giải quyết vấn đề đơn giản.

3. Phát triển ngôn ngữ:

- Phát triển vốn từ vựng phù hợp độ tuổi, rèn luyện kỹ năng nghe – hiểu – nói – diễn đạt ý kiến cá nhân.
- Tạo môi trường giao tiếp thân thiện giúp trẻ mạnh dạn, tự tin khi giao tiếp với người lớn và bạn bè.

4. Phát triển thẩm mỹ:

- Khuyến khích trẻ cảm nhận cái đẹp trong cuộc sống, trong thiên nhiên và nghệ thuật.
- Tạo điều kiện để trẻ thể hiện cảm xúc, sáng tạo thông qua hoạt động nghệ thuật: hát, múa, vẽ, nặn....

5. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:

- Hình thành các thói quen, hành vi văn minh trong giao tiếp và ứng xử.
- Giáo dục trẻ biết yêu thương, chia sẻ, biết chờ đợi, biết tuân thủ những quy định đơn giản trong sinh hoạt tập thể.
- Xây dựng tình cảm gắn bó với cô giáo, bạn bè, trường lớp.

6. Hình thành các nền tảng kỹ năng sống ban đầu:

- Rèn luyện các kỹ năng tự phục vụ cơ bản phù hợp độ tuổi.
- Hình thành tâm thế tích cực, sẵn sàng học hỏi, thích ứng với môi trường giáo dục mới trong các giai đoạn tiếp theo.

7. Ứng dụng công nghệ thông minh trong giáo dục trẻ:

- Ứng dụng công nghệ thông minh phù hợp độ tuổi nhà trẻ vào tổ chức các hoạt động giáo dục: bảng tương tác, các ứng dụng học tập qua hình ảnh – âm thanh sinh động, trò chơi giáo dục, ứng dụng AI cho quản lý học tập của trẻ.

Nhà trẻ 24 – 36 tháng
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT
* Phát triển vận động
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp
MT 1. Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: Hít thở, tay, lưng, bụng, và chân
Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động
MT 2. Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay. Giữ được thăng bằng trong vận động chạy/chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay
MT 3. Thực hiện phối hợp tay- mắt: tung bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m, ném vào đích xa 1-1,2m
MT 4. Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng
MT 5. Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa phía lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m)
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt
MT 6. Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “múa khéo. Trẻ đi bước đầu làm quen với các bài tập, trò chơi vận động sáng tạo.
MT7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay mắt trong các hoạt động: nhào đất, nặn, vẽ tổ chim, khâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe
Có một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt
MT 8. Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau
MT 9. Ngủ 1 giấc buổi trưa
MT 10. Đi vệ sinh đúng nơi quy định
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe
MT 11. Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn: Lấy nước uống, đi vệ sinh, thực hiện một số kỹ năng tự phục vụ (cất ba lô, bê ghế...)
MT 12. Chấp nhận: Đội mũ khi ra nắng, đi giày dép, mặc quần áo ấm khi trời lạnh
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn

MT 13. Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (Bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở
MT 14. Biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở
II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC
Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan
MT 15. Sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng
Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi
MT 16. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc, đồ chơi yêu thích
MT 17. Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc
MT 18. Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi
MT 19. Nói được tên và chức năng của 1 số bộ phận cơ thể khi được hỏi
MT 20. Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật, con vật quen thuộc
MT 21. Chỉ, nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh và một số màu khác theo yêu cầu
MT 22. Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/ nhỏ, nặng nhẹ theo yêu cầu
MT 23. Tham gia các hoạt động trải nghiệm theo hướng giáo dục STEAM: khám phá nước, ánh sáng, màu sắc, chuyển động đơn giản.
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ
Nghe, hiểu lời nói
MT 24. Thực hiện được nhiệm vụ từ 2 đến 3 hành động. Ví dụ: “Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay!”
MT 25. Trả lời các câu hỏi: Ai đây? cái gì đây? làm gì? Thế nào? Ví dụ: “Con Gà gáy thế nào?”
MT 26. Hiểu nội dung chuyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên, hành động của các nhân vật.
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu
MT 27. Phát âm rõ tiếng
MT 28. Đọc được bài thơ ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo
Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp
MT 29. Nói được câu đơn, câu 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc
MT 30. Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:

+ Chào hỏi, trò chuyện + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề quan tâm như: “Con gì đây?”, “Cái gì đây?”
MT 31. Nói to, đủ nghe, lễ phép
IV. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ
Biểu lộ sự nhận thức về bản thân
MT 33. Nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi)
MT 34. Thể hiện điều mình thích và không thích
Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi
MT 35. Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói
MT 36. Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.
MT 37. Biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ
MT 38. Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: Bắt chước tiếng kêu gọi
<i>MT 39. Trẻ biết sử dụng từ ngữ đơn giản kết hợp với nét mặt và cử chỉ để thể hiện cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi) phù hợp với tình huống cụ thể; biết thể hiện sự thân thiện và chia sẻ cảm xúc với người thân, bạn bè hoặc con vật quen thuộc</i>
Thực hiện hành vi xã hội đơn giản
MT 40. Biết biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ
MT 41. Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...)
MT 42. Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.
MT 43. Thực hiện một số yêu cầu của người lớn
Thể hiện cảm xúc thông qua hát, vận động theo nhạc? tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh.
MT 45. Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát, bản nhạc quen thuộc
MT 46. Thích tô màu, vẽ, nặn, xếp hình, xé, dán, xem tranh (cầm bút di màu, vẽ nguỵệt ngoạc, dán)
<i>MT 47. Bước đầu trẻ làm quen và tham gia các hoạt động tạo hình sáng tạo với sự hỗ trợ của công nghệ (ứng dụng vẽ tự do, tô màu thông qua các phần Kids Doodle, Paint Joy sử dụng trên bảng tương tác, vẽ trên máy tính bảng...).</i>

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

1. Thời gian năm học:

- Thực hiện theo Quyết định về khung thời gian năm học của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.
- Thời gian bắt đầu: Từ tháng 9 năm học đến tháng 5 của năm tiếp theo.
- Thời gian nghỉ hè: Tháng 6, 7, 8 (có thể tổ chức các hoạt động hè theo nhu cầu của phụ huynh và nhà trường).

2. Phân phối thời gian trong tuần:

- Học 5 ngày/tuần: Từ thứ Hai đến thứ Sáu.
- Thời gian trong ngày: Từ 7h30 đến 17h15.

3. Phân phối thời gian hoạt động trong ngày:

- Thời lượng linh hoạt, phù hợp với lứa tuổi và điều kiện thực tế nhà trường.
- Đảm bảo nguyên tắc: học qua chơi – lấy trẻ làm trung tâm – cá nhân hóa hoạt động cho trẻ – ứng dụng công nghệ hỗ trợ.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

- Chế độ sinh hoạt là sự phân bổ thời gian và các hoạt động trong ngày một cách hợp lý tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu về tâm lý và sinh lý của trẻ, qua đó giúp trẻ hình thành những nề nếp, thói quen tốt và thích nghi với môi trường nhà trẻ.

1. Trẻ 24 -36 tháng tuổi

- Ăn 2 bữa chính và 1 bữa phụ.
- Ngủ: 1 giấc trưa (khoảng 150 phút)

Chế độ sinh hoạt lứa tuổi 34 - 36 tháng tuổi:

Thời gian	Thời lượng	Hoạt động
7h15 - 8h00	45 phút	- Giáo viên vệ sinh, thông thoáng phòng học - Đón trẻ - Điểm danh thông minh (Face ID) - Chơi các góc
8h00 - 8h45	45 phút	- Thể dục sáng – Uống nước – Vệ sinh cá nhân – Làm quen với Tiếng Anh theo chương trình riêng của nhà trường có lịch cụ thể dự kiến tuần 2 buổi
8h45 - 9h00	15 phút	- Chơi tập có chủ đích
9h00 - 9h30	30 phút	- HĐ ngoài trời - Vệ sinh- Uống nước

9h30- 10h00	30 phút	- Chơi với các góc chơi hoặc hoạt động giao lưu cùng độ tuổi và giao lưu với các anh chị lớp lớn
10h00 - 10h20	20 phút	- HD vệ sinh, rửa mặt, rửa tay
10h20 - 11h20	60 phút	- Chuẩn bị ăn - Ăn bữa chính
11h20 - 11h30	10 phút	- Vệ sinh cá nhân
11h30 - 14h	150 phút	- Ngủ trưa
14h -14h30	30 phút	- Vệ sinh cá nhân - Uống sữa.
14h30 - 15h	30 phút	- Hoạt động chiều, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống
15h - 16h00	60 phút	- Chuẩn bị ăn - Ăn bữa chính
16h00- 16h15	30 phút	- Vệ sinh cá nhân - Uống nước.
16h15 - 17h15	60 phút	- Chơi các góc - Trả trẻ
17h15-17h30	15 phút	- Trả trẻ - Vệ sinh lớp

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE.

Nhà trường đặc biệt chú trọng việc chăm sóc – nuôi dưỡng trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ.

Số lượng trẻ 20-25 trẻ/lớp với 2 - 3 giáo viên có chuyên môn đạt trình độ chuẩn, trên chuẩn, kinh nghiệm lâu năm, chăm sóc trẻ theo chế độ sinh hoạt 1 ngày; có quy trình chăm sóc-nuôi dưỡng khoa học, đảm bảo cho trẻ được chăm sóc – nuôi dưỡng tốt, phát triển cân đối, hình thành nhân cách và nề nếp tốt ngay từ khi còn nhỏ.

1. Tổ chức ăn:

- Lựa chọn thực phẩm đầu vào: Thực phẩm được lấy từ đơn vị cung ứng có ký hợp đồng với nhà trường, đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi (nhóm ăn cháo, nhóm ăn cơm nát). Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

- Số bữa ăn tại trường: hai bữa chính và một bữa phụ.

+ Bữa chính (trưa): Đảm bảo bữa ăn tiêu chuẩn hàng ngày: có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ và bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng (sữa chua, sữa bột, caramen, phomai hoặc hoa quả theo mùa) từ thứ hai

đến thứ năm; Với nhóm trẻ ăn cháo: phong phú thực phẩm được kết hợp hài hòa trong bữa cháo của trẻ và có ăn tráng miệng. Tổ chức ăn buffet đặc biệt theo tháng và vào các dịp lễ hội.

+ Bữa chính (chiều): Thực đơn thay đổi theo tuần

+ Bữa phụ (chiều): Uống sữa.

- Điều chỉnh cân đối thực phẩm để đảm bảo cơ cấu bữa ăn, cân đối các chất, tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13-20%; L:30-40% (*Tỷ lệ L động vật/ L thực vật= 70% và 30%*); G: 47-50%; Thực hiện tính tỷ lệ Ca, B1 trong thực đơn bữa ăn của trẻ, Canxi: 350mg Ca/ngày/trẻ, B1: 0.41mg B1/ngày/trẻ.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn); nhà trường sử dụng nước đóng chai HADOWA trong toàn trường, có ký hợp đồng mang tính pháp lý, cam kết chất lượng và xét nghiệm nước uống tinh khiết đóng chai theo quy định.

- Tăng cường ăn bổ sung phòng chống nóng, phòng chống rét, phòng chống dịch:

2. Tổ chức ngủ:

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 24 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

- Có hệ thống chăn, ga, gối, đệm cho trẻ; có điều hòa; rèm chắn gió đảm bảo ấm áp về mùa đông.

- Có hệ thống quạt, điều hòa nhiệt độ, rèm chống nắng đảm bảo mát mẻ về mùa hè.

3. Vệ sinh:

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân. Có tủ đựng đồ dùng cá nhân, áo đồng phục cho cá nhân trẻ, khăn thấm mồ hôi...

- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.

- Tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

- Giữ sạch nguồn nước đảm bảo chất lượng nước (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lý rác, nước thải đúng qui định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống dịch bệnh: Duy trì thường xuyên có chất lượng các nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh môi trường. Các đợt dịch bệnh: theo dõi sức khỏe trẻ; vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B, cồn và xà phòng thông thường. Tăng cường nhỏ mũi, rửa tay bằng nước sát khuẩn.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn:

- Khám sức khỏe định kỳ 1-2 lần/năm. Theo dõi đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi; theo dõi trẻ có chiều cao vượt trội (3/lần/năm học). Có các biện pháp phòng chống suy dinh dưỡng và béo phì, cân đo theo dõi hàng tháng.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi lịch tiêm chủng. Xử lý ban đầu những trường hợp trẻ ốm trong ngày tại trường.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.
- Trao đổi với phụ huynh hàng ngày hoặc hàng tuần về sức khỏe của trẻ bằng nhiều hình thức: Trực tiếp, zalo, email, phần mềm liên lạc điện tử...
- Tuyên truyền các biện pháp chăm sóc sức khỏe, nuôi dưỡng, đảm bảo an toàn trẻ trên website và fanpage của trường.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất:

a) Phát triển vận động:

- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Tập các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu.
- Tập các cử động bàn tay, ngón tay.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe:

- Tập luyện nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt.
- Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe.
- Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn.

* Nội dung giáo dục:

Nội dung	24 - 36 tháng tuổi
<i>Phát triển vận động</i>	
1. Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	<ul style="list-style-type: none"> * <u><i>Phát triển hô hấp:</i></u> Hít vào, thở ra. * <u>Hô hấp:</u> Hít vào thở ra (Thổi nơ, thổi bóng...) * <u><i>Phát triển cơ tay:</i></u> <ul style="list-style-type: none"> + Đưa hai tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên + Co và duỗi tay, bắt chéo hai tay trước ngực. + 2 tay đưa lên cao- hạ xuống. + 2 tay đưa sang ngang- hạ xuống + 2 tay đưa về phía trước- đưa ra sau. + Đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - * <u><i>Phát triển cơ lưng, bụng, lườn:</i></u>

	<ul style="list-style-type: none"> + Nghiêng người sang bên phải, bên trái + Cúi người xuống, thẳng người lên + Vặn người sang 2 bên - Chân : + Khụy gối/ ngồi xuống- đứng lên. + Co duỗi từng chân
<p>2. Tập các vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập bò, trườn: + Bò theo hướng thẳng. + Bò chui qua cổng. + Bò trong đường hẹp. + Bò theo đường ngoằn ngoèo. + Bò qua vật cản. + Bò thẳng hướng có vật trên lưng. + Bò chui qua dây. + Bò bằng bàn tay bàn chân + Bò chui qua ống dài (1 -1,2m). + Trườn theo hướng thẳng. + Trườn qua vật cản. - Tập đi, chạy + Đi theo hướng thẳng + Đi có mang vật trên tay. + Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường hẹp-bật vào vòng. + Đi trong đường ngoằn ngoèo +Đi bước vào các ô. + Đi đều bước 1 -2 + Đi theo hiệu lệnh

	<ul style="list-style-type: none"> + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. + Đi bước qua vật cản. + Đi bước qua vật cản - Bò theo đường zíc zắc + Đứng co 1 chân. + Đi kết hợp với chạy. + Chạy theo hướng thẳng (7- 8m, rộng 50cm) + Chạy theo hiệu lệnh. + Chạy đổi hướng. - Tập nhún bật: + Bật tại chỗ. + Nhún bật tại chỗ. + Nhún bật về phía trước. + Bật qua vạch kẻ. + Bật xa (15 - 20cm). + Bật liên tục vào 3 vòng (đường kính 30cm). - Tập tung, ném, bắt, đá: + Tung bóng bằng 2 tay. + Tung – bắt bóng cùng cô (khoảng cách 1m). + Tung bóng qua dây (cao 80 – 100cm; khoảng cách 100cm). + Ném trúng đích ngang (cách xa 1m). + Ném qua dây. + Ném bóng về phía trước. + Ném bóng vào đích (đích xa 1- 1,2m). + Đá bóng về phía trước/ Đá bóng vào lưới.
3. Tập các cử động của bàn tay, ngón tay và	<ul style="list-style-type: none"> + Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau + Xếp chồng 6 - 8 khối

phối hợp tay- mắt	<ul style="list-style-type: none"> + Đóng cọc bàn gỗ + Nhón nhặt đồ vật + Chơi các trò chơi ngón tay. + Cắp hạt bỏ giỏ + Rót khô (hạt, xúc xắc) + Nhào đất nặn, nhào bột + Khuấy nước đường (muối) + Bóp, vò giấy thành quả bóng + Xé giấy thành dải + Lật mở sách + Chắp ghép hình + Cài cúc, cởi cúc + Đóng mở nắp hộp + Vặn nút chai + Xúc chuyển hạt bằng thìa + Chuyển hạt bằng tay + Vặn ốc + Xâu luồn dây + Tập cầm bút tô, vẽ + Tổ chức trò chơi vận động trên bảng tương tác hoặc phần mềm tương tác: Trò chơi "Nhảy cùng con vật": bắt chước vận động của các con vật trên màn hình; Trò chơi “Bước theo vòng tròn” – đi, nhảy theo vòng tròn ảo xuất hiện trên bảng/màn hình; Trò chơi “Bật vào ô màu”: trẻ nhảy vào các ô màu xuất hiện trên sàn/bảng tương tác; Kết hợp âm nhạc vui nhộn, bài hát vận động minh họa theo hình ảnh/video để trẻ vận động theo nhạc. + Cho trẻ thực hành các trò chơi vận động tập thể có ứng dụng công nghệ (ví dụ: thi đua giữa các nhóm vận động nhanh theo hiệu lệnh trên màn hình).
<i>Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe</i>	

<p>1. Tập luyện nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong ăn uống phân biệt nhiệt độ khác nhau của thức ăn. - Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn và đi vệ sinh, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Trò chuyện về các hành vi, thói quen vệ sinh, ăn uống tốt. - Trò chuyện giúp trẻ nhận biết một số vận dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. - Trò chuyện, xem clip, tạo tình huống một số hành động nguy hiểm và phòng tránh + Không ra khỏi lớp 1 mình, không đi theo người lạ + Không cho vật nhỏ, nhọn sắc, hột hạt vào tai mũi, mồm + Không nghịch vật sắc nhọn, không leo trèo bàn ghế. - Trò chơi: - Chọn thực phẩm, đoán mùi thức ăn. - Tìm vật theo yêu cầu - Nên và không nên
<p>2. Làm quen với một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe</p>	<ul style="list-style-type: none"> * Thực hiện một số kỹ năng tự phục vụ trong sinh hoạt và ứng dụng một số bài tập thực hành kỹ năng sống theo phương pháp Montessori. + Cách chào hỏi lễ phép. + Ho và hắt xì hơi cần che miệng. + Cách bê ghế, ngồi ghế và cất ghế. + Xúc đồ ăn. + Cầm cốc tự uống nước. + Cách đóng mở cửa.

- + Cách gấp hột hạt.
- + Cách hì mũi.
- + Cách xúc miệng nước muối.
- + Cách lấy nước uống.
- + Rửa mặt.
- + Rửa tay bằng xà phòng.
- + Lau miệng.
- + Đi vệ sinh.
- + Xi mũi, lau mũi.
- + Đội mũ.
- + Cởi quần, mặc quần, cất quần áo.
- + Lấy, cất ba lô.
- + Đóng mở cửa tủ cá nhân không gây tiếng động
- + Vứt rác đúng nơi quy định.
- + Cởi giày dép, đi giày dép và cất giày dép có nhám.
- + Đi bít tất, cởi bít tất
- + Khuấy hạt.
- + Cách bày bàn ăn.
- + Bóc vỏ chuối.
- + Đóng mở chai lọ.
- + Đóng mở nắp hộp.
- + Cách chào hỏi
- + Cách nhận quà
- + Bàn tay xinh
- + Bé tập xếp hàng.
- + Lịch sự khi đi chơi
- + Bé cất dép đúng nơi quy định
- + Bé tập kéo mở khóa

	<ul style="list-style-type: none"> + Bé tập đeo ba lô + Bé tự mặc quần + Bé tập đi tất - Hoạt động rèn nền nếp hàng ngày: “Đôi bàn tay sạch”: “Bé tự chăm sóc bản thân” - Hoạt động thực hành kỹ năng sống Tên TC: “Bé gọn gàng, ngăn nắp” - Hoạt động trải nghiệm, trò chơi phân loại: “Mặc đẹp cùng thời tiết”
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần. + Biết tránh xa một số vật nguy hiểm như ổ điện, phích nước nóng. + Cách sử dụng kéo thìa. - Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh. + An toàn khi mở cửa + Không nhận quà từ người lạ. + Không đi theo người lạ + Cách lên xuống cầu thang

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Luyện tập và phối hợp các giác quan

- Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác.

b) Nhận biết

- Tên gọi, chức năng một số bộ phận cơ thể của con người.
- Tên gọi, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông quen thuộc với trẻ.
- Tên gọi và đặc điểm nổi bật của một số con vật, hoa, quả quen thuộc với trẻ.
- Một số màu cơ bản (đỏ, vàng, xanh), kích thước (to - nhỏ), hình dạng (tròn, vuông), số lượng (một - nhiều) và vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ.
- Bản thân và những người gần gũi.

Nội dung	24 - 36 tháng tuổi
1. Luyện tập và phối	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu.

hợp các giác quan : <i>Thị giác, thính giác, xúc giác, khứu giác, vị giác</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt – mặn – chua).
2. Nhận biết : <i>Một số bộ phận của cơ thể con người</i>	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
<i>Một số đồ dùng, đồ chơi.</i>	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.
<i>Một số phương tiện giao thông quen thuộc</i>	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
<i>Một số con vật, hoa, quả quen thuộc</i>	Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc.
<i>Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng, vị trí trong không gian</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Màu đỏ, vàng, xanh. - Kích thước (to - nhỏ). - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều.
<i>Bản thân, người gần gũi</i>	<ul style="list-style-type: none"> - Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các giọng nói khác nhau.

- Nghe, hiểu các từ và câu chỉ đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc và một số loại câu hỏi đơn giản.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao có nội dung phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm các âm khác nhau.
- Trả lời và đặt một số câu hỏi đơn giản.
- Thể hiện nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói.

c) Làm quen với sách

- Mở sách, xem và gọi tên sự vật, hành động của các nhân vật trong tranh.

Nội dung	24 - 36 tháng tuổi
1. Nghe	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. - Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
2. Nói	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. - Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Tham gia các hoạt động trải nghiệm, được tham gia biểu diễn văn nghệ trên sân khấu, được tham gia hoạt động ngoại khóa, hoạt động vui chơi. - Tham gia các hoạt động giao lưu giữa trẻ với trẻ trong cùng khối và trẻ với những anh chị khối lớn và trẻ với mọi người xung quanh.
3. Làm quen với sách	<ul style="list-style-type: none"> - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Tập lật mở sách, cầm sách đúng chiều, giữ gìn sách. Cất sách vào đúng vị trí.

4. Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Mọi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.
- Hành vi văn hoá và thực hiện các quy định đơn giản trong giao tiếp, sinh hoạt.

c) Phát triển cảm xúc thẩm mỹ

- Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc.
- Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh.

Nội dung	24 - 36 tháng tuổi
<p>1. Phát triển tình cảm <i>Ý thức về bản thân</i> - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình - Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc : vui, buồn, tức giận. - Nhận biết trạng thái của cơ thể khi buồn vệ sinh, khi khát nước, khi buồn ngủ, khi đói và thể hiện với người chăm sóc bằng cử chỉ hành động hoặc lời nói.
<p>2. Phát triển kỹ năng xã hội - Mọi quan hệ tích cực với con người và sự vật gần gũi.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giao tiếp với những người xung quanh. - Chơi thân thiện với bạn : chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn. - Cùng nhau làm tranh ghép, xây dựng mô hình bằng Lego, khối gỗ... - Khuyến khích trẻ chia sẻ ý tưởng, chờ đến lượt, cùng hoàn thành sản phẩm. - <i>Tổ chức TC: “Gương mặt cảm xúc”; “Bạn gấu hôm nay thế nào?”; “Khi bạn vui – khi bạn buồn”; “Con vật nói gì nhỉ?”; “Chiếc túi cảm xúc”</i>
<p>- Hành vi văn hoá giao tiếp đơn giản</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Cùng nhau đóng vai "Gia đình", "Cửa hàng", "Công viên", "Lớp học"... - Trẻ chia sẻ cảm xúc, giao tiếp khi nhập vai. - Trò chuyện - "Vòng tròn cảm xúc". Cô đặt câu hỏi mở: "Hôm nay con vui nhất khi nào?", "Con thấy thế nào khi bạn chia sẻ đồ chơi?", "Khi con buồn con làm gì?". Trẻ học cách diễn đạt cảm xúc, lắng nghe bạn chia sẻ.

	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến các vật nuôi. - Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, ‘vâng ạ’; chơi cạnh bạn, không cầu bạn. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - Tham gia các hoạt động trong chế độ sinh hoạt một ngày
<p>3. Phát triển cảm xúc thẩm mỹ - Nghe hát, hát và vận động đơn giản theo nhạc</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ: <i>mõ, xắc xô, đàn, trống</i>, - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc.
<p>- Vẽ nặn, xé dán, xếp hình, xem tranh</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình. - Tập cầm bút di màu; tô màu con lật đật ; tô màu trang phục của bé; tô màu các đồ dùng trong gia đình - Xâu vòng; Xếp nhà bằng khối gỗ - Tập vo giấy; Chơi với đất nặn; Tập chơi với màu nước - Tô tranh sáp nền: Đồ chơi bé thích: ô tô, quả bóng, cái ô, con gấu...) - Tập in tranh các cách khác nhau: In bàn tay, bàn chân, in bằng củ quả, in bằng lá, con dấu... - Xem tranh - <i>Hoạt động “Bé vẽ sắc màu cùng bảng thần kỳ” trẻ bước đầu làm quen và tham gia vào các hoạt động tạo hình sáng tạo với sự hỗ trợ của công nghệ. Trong hoạt động này, cô giáo sử dụng bảng tương tác thông minh hoặc máy tính bảng đã cài đặt sẵn ứng dụng vẽ như Kids Doodle, Paint Joy, để hướng dẫn trẻ sử dụng ngón tay chạm nhẹ vào màn hình để lựa chọn màu sắc, nét vẽ và thực hiện vẽ tự do hoặc tô màu theo hình mẫu đơn giản như: quả bóng, bông hoa, mặt trời, con cá... Tập tạo nét thẳng, cong, chấm tròn; Tập phối hợp màu sắc; Vẽ các hình đơn giản (mặt trời, hoa, quả, ngôi nhà...); Tô màu kỹ thuật số trên bảng tương tác:</i> - <i>Chọn màu sắc bé thích: Tô màu các tranh có sẵn trên phần mềm; Sử dụng máy tính bảng hoặc bảng vẽ điện tử cho trẻ vẽ tranh sáng tạo cá nhân.</i> - <i>Tổ chức trò chơi ghép hình, ghép tranh trên bảng/máy tính bảng giúp trẻ rèn kỹ năng tư duy không gian và</i>

phối hợp tay - mắt.

D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động với đồ vật.

Hoạt động với đồ giúp trẻ phát triển các kỹ năng vận động tinh, nhận thức và khả năng tương tác với môi trường xung quanh. Thông qua việc tiếp xúc và thao tác trực tiếp với các đồ vật có kích thước, hình dạng, màu sắc đa dạng như khối gỗ, bóng, đồ chơi xếp hình, vật liệu tự nhiên, trẻ được trải nghiệm, khám phá và học hỏi một cách tự nhiên. Giáo viên hướng dẫn trẻ cách cầm nắm, xếp chồng, phân loại và sử dụng đồ vật đúng mục đích, đồng thời tạo điều kiện để trẻ phát triển tư duy logic và khả năng giải quyết vấn đề. Hoạt động này được tổ chức linh hoạt, kết hợp cùng trò chơi và các phương pháp giáo dục hiện đại nhằm tăng cường sự hứng thú, kích thích sự tò mò và phát triển toàn diện cho trẻ nhỏ trong môi trường giáo dục an toàn, thân thiện.

Hoạt động chủ đạo của lứa tuổi 24- 36 tháng giúp trẻ tìm hiểu thế giới xung quanh để trẻ phát triển nhận thức, phát triển lời nói, phát triển các giác quan, phát triển thái độ, cảm xúc... qua tương tác vật liệu rời, vật liệu thiên nhiên, các đồ vật gắn liền với các thao tác trong cuộc sống... Ứng dụng giáo dục Steam, tiếp cận học qua chơi, học thông qua trải nghiệm khám phá, ứng dụng công nghệ AI.

2. Hoạt động chơi.

Qua trò chơi, trẻ được tự do khám phá, sáng tạo và thể hiện cảm xúc trong môi trường an toàn và thân thiện. Hoạt động chơi có thể đa dạng như trò chơi xây dựng, trò chơi vận động, trò chơi đóng vai, trò chơi với đồ vật hoặc trò chơi ứng dụng công nghệ như vẽ trên bảng tương tác, tô màu trên máy tính bảng. Giáo viên đóng vai trò là người tổ chức, hỗ trợ và khích lệ trẻ tham gia, giúp trẻ phát triển kỹ năng phối hợp tay – mắt, khả năng tư duy logic, kỹ năng giao tiếp và tinh thần hợp tác với bạn bè. Các trò chơi được thiết kế phù hợp với khả năng và sở thích của trẻ, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện và giúp trẻ tự tin tỏa sáng trong môi trường học tập hiện đại, thông minh.

3. Hoạt động chơi-tập có chủ đích:

Hoạt động chơi – tập có chủ đích là hình thức tổ chức các trò chơi và hoạt động có kế hoạch, nhằm giúp trẻ 24–36 tháng tuổi phát triển những kỹ năng và kiến thức cụ thể theo mục tiêu giáo dục. Khác với chơi tự do, hoạt động này được giáo viên thiết kế kỹ lưỡng, lựa chọn trò chơi phù hợp với giai đoạn phát triển và khả năng nhận thức của trẻ, đồng thời kết hợp linh hoạt với việc sử dụng công nghệ hiện đại như bảng tương tác, máy tính bảng, ứng dụng vẽ màu để tăng sự hấp dẫn và hiệu quả học tập. Qua đó, trẻ được hướng dẫn thực hành các thao tác, luyện tập kỹ năng vận động tinh, phối hợp tay – mắt, phát triển ngôn ngữ và khả năng tư duy logic trong không khí vui vẻ, thoải mái. Hoạt động chơi – tập có chủ đích không chỉ giúp trẻ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên mà còn rèn luyện thái độ tích cực, tăng sự tự tin và khả năng hợp tác, sáng tạo – những yếu tố quan trọng để trẻ “tỏa sáng” trong môi trường “trường học thông minh”.

Trẻ được tham gia các hoạt động chơi – tập có chủ đích thông qua việc ứng dụng phương pháp giáo dục tiên tiến như phương pháp giáo dục Steam, Ứng dụng công nghệ AI để thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục phù hợp.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Trong quá trình tổ chức các hoạt động này, giáo viên chú trọng hướng dẫn trẻ thực hiện các thao tác đơn giản như tự xúc ăn, cầm thìa, lau mặt, rửa tay đúng cách, mặc quần áo, vệ sinh cá nhân nhẹ nhàng, tạo nền tảng thói quen tự phục vụ. Đồng thời, giáo viên quan sát, hỗ trợ kịp thời và khuyến khích trẻ tự lập, phát triển sự tự tin trong việc chăm sóc bản thân. Việc tổ chức môi trường sạch sẽ, thoáng mát, đồ dùng phù hợp và lịch trình hợp lý giúp trẻ có giấc ngủ sâu và ăn ngon miệng. Bên cạnh đó, việc giáo dục kỹ năng vệ sinh cá nhân còn góp phần nâng cao ý thức giữ gìn sức khỏe, phòng tránh bệnh tật. Tất cả các hoạt động được lồng ghép một cách nhẹ nhàng, thân thiện theo phương châm “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”, nhằm giúp trẻ phát triển toàn diện và chủ động hơn trong cuộc sống hàng ngày.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và các hoạt động dựa trên ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Ngày hội đến trường của bé; Trung thu yêu thương; Ngày hội Bé trao yêu thương; Ngày hội Steam, Chắp cánh ước mơ - Bé tri ân thầy cô; Hội diễn văn nghệ / Giao lưu “Gia đình và bé”; “Bé vui cùng Anh Bộ đội cụ Hồ; Xuân yêu thương - Tết Việt trong mắt bé; Bé vui hội trò chơi dân gian; Bé nói lời yêu thương - Mừng 8/3; Ngày hội ẩm thực / Bé vào bếp cùng mẹ/bố (Masterchef)

Ngày hội thể dục thể thao nhí- Bé yêu Tổ quốc Việt Nam; Bé khám phá thế giới xanh; Ngày hội trưởng thành - Ươm mầm tỏa sáng; Họp phụ huynh – tọa đàm chuyên đề giáo dục cùng phụ huynh, huy động sự tham gia của phụ huynh học sinh cùng nhà trường tổ chức các ngày lễ hội cho trẻ.

- Tổ chức hoạt động giao lưu giữa các lớp: các lớp nhà trẻ cùng độ tuổi, khác độ tuổi, giao lưu với lớp mẫu giáo, huy động sự tham gia của các bậc phụ huynh...

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.
- Tổ chức tại phòng lớp khác, sân, sảnh..

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ, nhóm lớn
- Tổ chức hoạt động cả lớp, 2 lớp, 2 nhóm của 2 lớp..

Đối với Nhà trẻ nên chú trọng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

*** Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:**

Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục đóng vai trò then chốt nhằm nâng cao hiệu quả giáo dục và phù hợp với sự phát triển nhanh chóng của trẻ. Cần linh hoạt đa dạng hóa cách thức tổ chức hoạt động, kết hợp hài hòa giữa phương pháp truyền thống với giáo dục hiện đại và ứng dụng công nghệ hiện đại như bảng tương tác, máy tính bảng, phần mềm học tập trực quan giúp trẻ hứng thú và tiếp thu tốt hơn. Các hoạt động được thiết kế sao cho phù hợp với khả năng nhận thức, thể chất và tâm lý của trẻ, đồng thời tạo môi trường thân thiện, an toàn để trẻ tự do khám phá và phát triển toàn diện. Bên cạnh đó, sự tương tác tích cực giữa giáo viên và trẻ cũng như sự phối hợp chặt chẽ với phụ huynh được chú trọng nhằm tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền lâu của trẻ. Qua đổi mới hình thức tổ chức, trẻ không chỉ phát triển kỹ năng mà còn tự tin hơn, sẵn sàng tỏa sáng trong môi trường “Trường học thông minh”.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Tác động bằng tình cảm là nhóm phương pháp đặc biệt quan trọng trong chăm sóc – giáo dục trẻ nhà trẻ, đặc biệt với độ tuổi 24–36 tháng khi trẻ còn non nớt về mặt cảm xúc, rất cần sự an toàn tâm lý để phát triển. Giáo viên sử dụng lời nói nhẹ nhàng, ánh mắt trìu mến, cử chỉ ôn tồn, âu yếm và thái độ thân thiện để tạo mối quan hệ gần gũi, tin tưởng giữa cô và trẻ. Thường xuyên gọi tên trẻ, khen ngợi đúng lúc, vỗ về khi trẻ khó chịu, lo lắng hay thất bại giúp trẻ cảm thấy được yêu thương, từ đó yên tâm tham gia vào các hoạt động. Khi trẻ có hành vi chưa phù hợp, cô không quát mắng mà dùng lời giải thích ngắn gọn, thái độ kiên trì, mẫu mực và ôn tồn để điều chỉnh hành vi. Đồng thời, việc thể hiện tình cảm qua ôm ấp, nắm tay, vỗ nhẹ lưng... cũng giúp trẻ cảm nhận sự gắn bó, tạo nền tảng cho

sự phát triển nhân cách và cảm xúc tích cực. Đây là nhóm phương pháp mang tính nuôi dưỡng tâm hồn, góp phần hình thành những thói quen, hành vi xã hội đầu tiên ở trẻ một cách tự nhiên và hiệu quả.

2. Nhóm phương pháp trực quan- minh họa

Phương pháp trực quan – minh họa là một trong những nhóm phương pháp hiệu quả và phù hợp với đặc điểm nhận thức của trẻ nhà trẻ, đặc biệt là ở độ tuổi 24–36 tháng khi tư duy còn mang tính cảm tính, trực quan. Giáo viên sử dụng các hình ảnh sinh động, đồ vật thật, mô hình, tranh ảnh, video, bảng tương tác, đồ chơi... để giúp trẻ quan sát, cảm nhận và hình dung rõ ràng về sự vật, hiện tượng xung quanh. Trong quá trình tổ chức hoạt động, cô thường xuyên kết hợp lời nói với thao tác mẫu, cử chỉ minh họa, biểu cảm nét mặt để thu hút sự chú ý và giúp trẻ dễ hiểu, dễ ghi nhớ. Ví dụ, khi dạy trẻ nhận biết quả chuối, cô có thể cho trẻ quan sát quả chuối thật, sau đó mở video về cây chuối và cuối cùng là cho trẻ cầm, bóc, nếm thử để cảm nhận trực tiếp. Ngoài ra, cô cũng sử dụng ngôn ngữ cơ thể như chỉ tay, lắc đầu, gật đầu hay đóng vai nhân vật để minh họa hành động. Nhóm phương pháp này góp phần phát triển giác quan, ngôn ngữ, khả năng tập trung và ghi nhớ của trẻ, đồng thời tạo điều kiện cho trẻ học qua trải nghiệm thực tế một cách tự nhiên và hiệu quả.

3. Nhóm phương pháp thực hành.

a. Hành động, thao tác với đồ vật.

Việc học thông qua hành động và thao tác với đồ vật là một phương pháp thiết thực và phù hợp với đặc điểm phát triển của trẻ. Trẻ ở độ tuổi này tiếp thu kiến thức chủ yếu qua việc trải nghiệm trực tiếp bằng tay, mắt, và các giác quan, do đó giáo viên cần tạo cơ hội để trẻ được “chạm – làm – thử – khám phá” với đồ vật thật trong quá trình tổ chức các hoạt động giáo dục. Ví dụ, khi dạy trẻ nhận biết khái niệm to – nhỏ, cô có thể đưa cho trẻ các khối gỗ với kích cỡ khác nhau để trẻ xếp, so sánh; khi dạy rửa tay, cô hướng dẫn trẻ từng bước và để trẻ tự làm; khi tổ chức trò chơi xây dựng, trẻ được lựa chọn và lắp ghép các khối theo ý tưởng. Qua đó, trẻ không chỉ học cách sử dụng đồ vật đúng cách mà còn phát triển khả năng vận động tinh, tư duy logic, khả năng phối hợp tay – mắt và tính tự lập. Giáo viên đóng vai trò hướng dẫn, khích lệ, quan sát và hỗ trợ khi cần thiết để trẻ tích cực tham gia, làm quen và ghi nhớ thông qua chính hành động của mình. Đây là phương pháp giúp trẻ “học bằng làm” một cách tự nhiên và hiệu quả nhất trong giai đoạn đầu đời.

b. Trò chơi.

Trò chơi không chỉ là hình thức vui chơi đơn thuần mà còn là phương tiện giáo dục quan trọng giúp trẻ phát triển toàn diện. Thông qua trò chơi, trẻ được rèn luyện các kỹ năng vận động, tư duy, ngôn ngữ, giao tiếp và cảm xúc – xã hội một cách tự nhiên và hứng thú. Trẻ được tham gia vào các trò chơi học tập, trò chơi vận động, trò chơi đóng vai, trò chơi với đồ vật... trong môi trường có sự tích hợp công nghệ hiện đại như bảng tương tác, máy tính bảng, loa thông minh, giúp hoạt động trở nên sinh động và cuốn hút hơn. Ví dụ, trẻ có thể tham gia trò chơi nhận biết hình ảnh, chọn màu trên bảng cảm ứng, hay ghép các mảnh hình để tạo nên bức tranh hoàn chỉnh. Giáo viên giữ vai trò là người tổ chức, định hướng, hỗ trợ và tạo không khí tích cực, an toàn để trẻ tự tin khám phá và thể hiện

bản thân. Trò chơi chính là cầu nối giữa học và chơi, giúp trẻ vừa được rèn luyện kỹ năng vừa phát huy trí tưởng tượng, sự sáng tạo, từ đó từng bước khẳng định sự tự tin và tỏa sáng trong môi trường học tập thông minh, hiện đại.

c. Luyện tập.

“Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng” không chỉ là phương châm hành động mà còn là kim chỉ nam trong việc tổ chức các hoạt động rèn luyện kỹ năng cho trẻ 24–36 tháng tuổi. Trong đó, phương pháp luyện tập đóng vai trò quan trọng giúp trẻ củng cố những kiến thức, kỹ năng đã học thông qua việc lặp lại nhiều lần trong các tình huống quen thuộc hoặc mở rộng. Trẻ được thực hành các thao tác đơn giản như rửa tay đúng quy trình, sắp xếp đồ vật theo kích thước, tự mặc và cởi quần áo, chải tóc, lau mặt, hay thực hiện các động tác vận động theo nhạc... Luyện tập giúp trẻ từng bước chuyển từ "chưa biết" đến "biết làm", từ rụt rè đến tự tin thể hiện bản thân, phù hợp với định hướng phát triển trẻ toàn diện trong môi trường giáo dục ứng dụng công nghệ hiện đại. Giáo viên giữ vai trò quan sát, khuyến khích và hỗ trợ kịp thời, giúp trẻ cảm thấy an toàn, được ghi nhận, từ đó tích cực tham gia vào các hoạt động. Việc tổ chức luyện tập cần được thực hiện nhẹ nhàng, linh hoạt, lồng ghép trong các trò chơi, hoạt động trải nghiệm để đảm bảo trẻ vừa học vừa chơi, phát triển tự nhiên, hứng thú và hiệu quả.

4. Phương pháp dùng lời nói

Phương pháp dùng lời nói là công cụ giáo dục cơ bản và rất quan trọng trong việc giao tiếp và tác động tới trẻ ở độ tuổi 24–36 tháng. Ở giai đoạn này, trẻ bắt đầu phát triển ngôn ngữ và khả năng nghe hiểu, vì vậy giáo viên cần sử dụng lời nói một cách nhẹ nhàng, rõ ràng, ngắn gọn và phù hợp với khả năng tiếp nhận của trẻ. Việc dùng lời nói không chỉ để truyền đạt thông tin mà còn để khích lệ, động viên, giải thích, hỏi đáp nhằm kích thích trẻ tư duy, phát triển ngôn ngữ và cảm xúc. Giáo viên cần lắng nghe trẻ, đặt câu hỏi đơn giản, dành thời gian trò chuyện, kể chuyện, đọc thơ và hát cùng trẻ để phát triển vốn từ và kỹ năng giao tiếp. Ngoài ra, khi trẻ mắc lỗi hay có hành vi chưa phù hợp, lời nói cần mang tính xây dựng, nhẹ nhàng nhắc nhở, giải thích nguyên nhân và hướng dẫn cách sửa chữa, tránh la mắng để trẻ cảm thấy an toàn và được tôn trọng. Phương pháp này góp phần tạo môi trường giao tiếp thân thiện, giúp trẻ hình thành thói quen sử dụng ngôn ngữ đúng mực, phát triển khả năng biểu đạt và xây dựng các mối quan hệ xã hội ban đầu.

5. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ, phương pháp đánh giá và nêu gương đóng vai trò quan trọng giúp trẻ nhận biết hành vi đúng, phát triển nhân cách và hình thành thói quen tốt ngay từ đầu. Việc đánh giá ở độ tuổi này thường được thực hiện bằng cách quan sát trực tiếp, ghi nhận các hành động, biểu hiện cảm xúc và khả năng tham gia các hoạt động của trẻ. Giáo viên cần đánh giá một cách khách quan, nhẹ nhàng, tập trung vào những tiến bộ, sự cố gắng và ưu điểm của từng trẻ để khích lệ và tạo động lực cho trẻ phát triển hơn nữa. Đồng thời, việc nêu gương từ giáo viên và các bạn trong lớp là phương pháp giáo dục hiệu quả, giúp trẻ bắt chước các hành vi tích cực như chia sẻ, biết lắng nghe, giữ gìn vệ sinh cá nhân, lễ phép... Giáo viên cần thể hiện sự gương mẫu trong lời nói, cử chỉ và

hành động hàng ngày, tạo môi trường thân thiện, lành mạnh để trẻ có cơ hội học tập và noi theo. Khi trẻ thấy các hành vi tốt được khen ngợi và ghi nhận, trẻ sẽ dần hình thành thói quen và phát triển các kỹ năng xã hội quan trọng, góp phần xây dựng nền tảng nhân cách vững chắc cho tương lai.

** Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục:*

Trong bối cảnh phát triển giáo dục hiện đại, việc tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ 24–36 tháng tuổi là yếu tố then chốt để nâng cao chất lượng giáo dục mầm non. Với phương châm hành động “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”, nhà trường chú trọng áp dụng các phương pháp linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với đặc điểm phát triển tâm sinh lý của trẻ nhỏ. Các hoạt động được tổ chức đa dạng, kết hợp hài hòa giữa phương pháp truyền thống với phương pháp giáo dục tiên tiến và ứng dụng công nghệ thông minh như bảng tương tác, phần mềm, video giáo dục, giúp trẻ được trải nghiệm học tập sinh động, hấp dẫn. Nhà trường tích cực triển khai các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục linh hoạt, sáng tạo như: học qua chơi, hoạt động trải nghiệm – khám phá, học theo dự án, Phương pháp Montessori, giáo dục STEAM, sử dụng bảng tương tác, máy tính bảng trong các hoạt động làm quen công nghệ phù hợp với lứa tuổi mầm non. Các hoạt động học tập được thiết kế mở, sinh động, tạo cơ hội để trẻ chủ động khám phá, bày tỏ suy nghĩ, thể hiện cảm xúc và phát huy tối đa năng lực cá nhân. Việc tổ chức hoạt động không chỉ giới hạn trong lớp học mà còn mở rộng ra môi trường bên ngoài, sân trường, vườn rau, khu trải nghiệm..., tạo điều kiện để trẻ học mọi lúc, mọi nơi. Giáo viên đóng vai trò là người hướng dẫn, quan sát và hỗ trợ trẻ, lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp với đặc điểm phát triển của từng độ tuổi và nhu cầu hứng thú của trẻ. Qua đó, mỗi đứa trẻ đều có cơ hội phát triển toàn diện, tự tin thể hiện mình và tỏa sáng trong môi trường học tập hiện đại, thân thiện và giàu cảm hứng.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

Môi trường vật chất là yếu tố cơ bản tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ 24–36 tháng tuổi phát triển toàn diện và an toàn khi tham gia các hoạt động giáo dục. Môi trường được tổ chức gọn gàng, sạch sẽ, đảm bảo ánh sáng và thông gió tốt, đồng thời bố trí các đồ dùng, thiết bị phù hợp với kích thước, đặc điểm sinh lý và nhu cầu phát triển của trẻ nhỏ. Các khu vực hoạt động như góc chơi, góc học tập, khu vực ăn uống, nghỉ ngơi được sắp xếp khoa học, thuận tiện cho việc di chuyển và tương tác của trẻ. Đồ chơi, đồ dùng giáo dục đa dạng, phong phú về chất liệu, màu sắc, kích thước nhằm kích thích sự tò mò, sáng tạo và phát triển kỹ năng vận động tinh – thô của trẻ. Ngoài ra, môi trường vật chất cũng được trang bị các thiết bị công nghệ thông minh như bảng tương tác, máy tính bảng để hỗ trợ các hoạt động giáo dục hiện đại, giúp trẻ tiếp cận với phương pháp học tập mới, hấp dẫn và hiệu quả hơn. Tất cả các yếu tố được thiết kế và bố trí theo nguyên tắc an toàn, thân thiện, giúp trẻ tự tin khám phá, học hỏi và tỏa sáng trong môi trường “Trường học thông minh”.

a, Môi trường cho trẻ hoạt động trong lớp học

Môi trường trong lớp học là yếu tố quan trọng tạo nên không gian thân thiện, an toàn và kích thích sự phát triển toàn diện cho trẻ. Lớp học được bố trí khoa học với các khu vực chức năng rõ ràng như góc chơi, góc học tập, góc nghệ thuật, góc yên tĩnh, giúp trẻ dễ dàng lựa chọn và tham gia các hoạt động phù hợp với sở thích và nhu cầu của mình. Đồ dùng, đồ chơi trong lớp đa dạng về chất liệu, màu sắc và kích thước, được sắp xếp gọn gàng, thuận tiện cho trẻ tự lấy, tự cất, góp phần phát triển kỹ năng vận động tinh và tính tự lập. Không gian lớp học luôn đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát và đủ ánh sáng tự nhiên để trẻ có môi trường học tập và vui chơi lý tưởng. Ngoài ra, việc ứng dụng các thiết bị công nghệ thông minh như bảng tương tác, máy tính bảng cũng được tích hợp khéo léo, giúp trẻ làm quen với phương pháp học tập hiện đại, tăng cường sự hứng thú và sáng tạo trong các hoạt động giáo dục. Môi trường lớp học được xây dựng theo phương châm “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng” nhằm khuyến khích trẻ phát triển kỹ năng toàn diện, tự tin khám phá và thể hiện bản thân.

b, Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

Môi trường ngoài trời là không gian quan trọng giúp trẻ phát triển thể chất, rèn luyện kỹ năng vận động thô và khám phá thế giới xung quanh một cách trực quan, sinh động. Khu vực hoạt động ngoài trời được bố trí rộng rãi, an toàn với nền sân phẳng, không có vật sắc nhọn hay nguy hiểm, đảm bảo ánh sáng tự nhiên và thông thoáng để trẻ thoải mái vui chơi, chạy nhảy, leo trèo và tham gia các trò chơi vận động. Các thiết bị vui chơi như cầu trượt, xích đu, bóng, xe đạp ba bánh được lựa chọn phù hợp với độ tuổi, được bảo trì thường xuyên để đảm bảo an toàn tối đa cho trẻ. Ngoài ra, môi trường ngoài trời còn được trang trí bằng cây xanh, hoa cỏ để tạo cảm giác gần gũi với thiên nhiên, kích thích sự tò mò và tình yêu thiên nhiên ở trẻ. Giáo viên tổ chức các hoạt động ngoài trời phong phú, kết hợp vận động, quan sát thiên nhiên, trò chơi tập thể, giúp trẻ phát triển các kỹ năng vận động, tăng cường sức khỏe, đồng thời rèn luyện tinh thần hợp tác và giao tiếp xã hội. Môi trường ngoài trời được xây dựng và duy trì theo phương châm “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”, tạo điều kiện tốt nhất để trẻ phát triển toàn diện và tự tin khám phá thế giới.

2. Môi trường xã hội:

Môi trường xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành kỹ năng giao tiếp, phát triển nhân cách và xây dựng mối quan hệ tích cực cho. Trong môi trường xã hội giúp trẻ được khuyến khích tương tác, chia sẻ, hợp tác và học hỏi lẫn nhau qua các hoạt động nhóm, trò chơi tập thể và giao tiếp thường xuyên với cô giáo và bạn bè. Giáo viên là tấm gương mẫu mực, thể hiện sự yêu thương, tôn trọng, khích lệ trẻ phát triển những hành vi tích cực, đồng thời hỗ trợ trẻ giải quyết các tình huống xung đột một cách nhẹ nhàng, khéo léo. Sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường và gia đình cũng góp phần tạo nên môi trường xã hội ổn định, thân thiện, giúp trẻ cảm thấy an toàn và tự tin thể hiện bản thân. Môi trường xã hội được xây dựng theo phương châm “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng” nhằm thúc đẩy trẻ phát triển toàn diện về mặt tinh thần, kỹ năng xã hội và chuẩn bị nền tảng vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ:

Việc đánh giá sự phát triển của trẻ và chất lượng thực hiện chương trình giáo dục nhằm mục đích theo dõi, ghi nhận quá trình phát triển toàn diện của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm xã hội và kỹ năng vận động. Đồng thời, đánh giá giúp xác định mức độ phù hợp, hiệu quả của các hoạt động giáo dục và phương pháp tổ chức trong chương trình, từ đó kịp thời điều chỉnh, hoàn thiện nhằm nâng cao chất lượng giáo dục. Qua đánh giá, giáo viên và nhà trường có cơ sở để tư vấn, phối hợp chặt chẽ với gia đình trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ một cách toàn diện và hiệu quả. Việc đánh giá cũng góp phần phát hiện sớm các nhu cầu đặc biệt của trẻ, giúp trẻ được hỗ trợ phù hợp để phát huy tối đa tiềm năng của bản thân. Tất cả hoạt động đánh giá được tiến hành một cách nhẹ nhàng, tôn trọng, khích lệ trẻ nhằm tạo môi trường tích cực, thân thiện, giúp trẻ tự tin phát triển và tỏa sáng trong môi trường “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”.

1. Đánh giá sự phát triển của trẻ:

Việc đánh giá sự phát triển của trẻ tuổi nhằm theo dõi, ghi nhận tiến bộ và nhu cầu của từng trẻ trên các lĩnh vực phát triển chính: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – xã hội và kỹ năng vận động. Giáo viên sử dụng phương pháp quan sát trực tiếp trong các hoạt động hàng ngày, kết hợp với việc ghi chép, đánh giá theo các tiêu chí cụ thể phù hợp với lứa tuổi nhằm phát hiện sớm những điểm mạnh và những khó khăn của trẻ. Đánh giá không chỉ tập trung vào kết quả mà còn chú trọng đến quá trình trẻ tham gia hoạt động, sự tích cực, sáng tạo và khả năng tự lập của trẻ. Kết quả đánh giá là cơ sở để giáo viên điều chỉnh phương pháp dạy, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân hóa nhằm hỗ trợ trẻ phát triển toàn diện. Đồng thời, việc đánh giá còn giúp giáo viên trao đổi, phối hợp với gia đình trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ một cách hiệu quả và thống nhất.

2. Đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu giáo dục:

- Đánh giá mức độ thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục nhà trẻ 24-36 tháng theo chương trình giáo dục mầm non.

Đánh giá mức độ đáp ứng 2 mục tiêu nâng cao: MT8. Tham gia các trò chơi vận động ứng dụng công nghệ; MT45. Tham gia các hoạt động tạo hình sáng tạo với sự hỗ trợ của công nghệ.

- Đánh giá sự hứng thú, mức độ tham gia tích cực của trẻ đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ.

- Góp phần đánh giá hiệu quả của việc tích hợp công nghệ và phương pháp giáo dục tiên tiến vào chương trình giáo dục của nhà trường.

3. Đánh giá chất lượng thực hiện chương trình:

Đánh giá chất lượng thực hiện chương trình giáo dục nhằm kiểm tra mức độ phù hợp và hiệu quả của các hoạt động, phương pháp và môi trường giáo dục được áp dụng đối với trẻ 24–36 tháng tuổi. Việc đánh giá giúp xác định xem chương trình có đáp ứng được mục

tiêu phát triển toàn diện của trẻ hay không, đồng thời phát hiện những điểm mạnh, điểm hạn chế trong quá trình tổ chức và triển khai. Qua đó, giáo viên và nhà trường có cơ sở để điều chỉnh nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, đảm bảo trẻ được học tập và phát triển trong môi trường an toàn, thân thiện và kích thích sáng tạo. Đánh giá còn giúp tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ, tạo sự thống nhất và đồng thuận trong quá trình thực hiện chương trình. Toàn bộ quá trình đánh giá được thực hiện một cách khách quan, khoa học và phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ, nhằm góp phần xây dựng môi trường “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

1. Đánh giá sự phát triển của trẻ theo các lĩnh vực:

a) Phát triển thể chất:

Việc đánh giá phát triển thể chất của trẻ tập trung vào việc quan sát và ghi nhận các yếu tố như cân nặng, chiều cao, khả năng vận động thô và vận động tinh. Giáo viên theo dõi khả năng di chuyển linh hoạt, biết chạy, nhảy, leo trèo, giữ thăng bằng, cũng như kỹ năng sử dụng tay để cầm nắm, xếp chồng đồ chơi, tô màu, vẽ nét cơ bản. Ngoài ra, việc đánh giá cũng chú trọng đến các thói quen sinh hoạt cá nhân như tự ăn uống, vệ sinh cá nhân và ngủ nghỉ hợp lý. Đánh giá phát triển thể chất giúp nhận diện kịp thời các vấn đề về sức khỏe hoặc sự chậm phát triển vận động để có biện pháp can thiệp phù hợp, đồng thời hỗ trợ trẻ phát huy tối đa tiềm năng vận động, góp phần xây dựng nền tảng thể chất vững chắc cho các giai đoạn phát triển tiếp theo.

b) Phát triển nhận thức:

Đánh giá sự phát triển nhận thức của trẻ 24–36 tháng tuổi nhằm ghi nhận khả năng chú ý, ghi nhớ, tư duy, phân loại, so sánh, nhận biết và giải quyết vấn đề ở trẻ. Giáo viên quan sát khả năng của trẻ trong việc nhận biết màu sắc, hình dạng, kích thước, số lượng đơn giản, gọi tên đồ vật quen thuộc, nhận ra các mối quan hệ đơn giản như to – nhỏ, cao – thấp, nhiều – ít... Ngoài ra, đánh giá còn tập trung vào khả năng khám phá, đặt câu hỏi, tìm tòi, thử nghiệm thông qua các hoạt động trải nghiệm, chơi học có chủ đích và tương tác với đồ vật, môi trường xung quanh. Việc đánh giá được tiến hành một cách linh hoạt, nhẹ nhàng trong các hoạt động hàng ngày để đảm bảo tính tự nhiên và khách quan. Kết quả đánh giá giúp giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp, kích thích sự tò mò, khả năng suy nghĩ độc lập và phát triển trí tuệ của trẻ, đúng theo định hướng “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”.

c) Phát triển ngôn ngữ:

Đánh giá phát triển ngôn ngữ ở trẻ nhằm theo dõi khả năng nghe, hiểu, diễn đạt và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày. Giáo viên quan sát trẻ trong các hoạt động giao tiếp với cô và bạn, đánh giá khả năng nghe hiểu lời hướng dẫn đơn giản, trả lời câu hỏi, gọi tên đồ vật, hành động quen thuộc, biết sử dụng câu ngắn từ 2–4 từ để diễn đạt nhu cầu, cảm xúc hoặc mô tả sự vật, hiện tượng. Ngoài

ra, trẻ được đánh giá qua khả năng lặp lại từ, câu, hát theo bài hát, đọc thơ, kể lại đoạn truyện ngắn, cũng như việc trẻ thể hiện thái độ lắng nghe và phản hồi khi tham gia trò chuyện. Việc đánh giá được thực hiện thường xuyên, nhẹ nhàng trong quá trình học và chơi, nhằm phát hiện kịp thời những khó khăn về phát âm, vốn từ và cách sử dụng ngôn ngữ, từ đó có biện pháp hỗ trợ phù hợp. Phát triển ngôn ngữ là tiền đề quan trọng giúp trẻ tự tin giao tiếp và bày tỏ suy nghĩ, góp phần xây dựng hình ảnh “Bé tự tin tỏa sáng” trong môi trường “Trường học thông minh”.

d) Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội và Phát triển thẩm mỹ:

Đánh giá phát triển thẩm mỹ ở trẻ 24–36 tháng tuổi nhằm nhận diện khả năng cảm thụ cái đẹp và sự sáng tạo trong các hoạt động nghệ thuật như âm nhạc, tạo hình, vận động theo nhịp điệu. Giáo viên quan sát khả năng trẻ lắng nghe và phản ứng với âm thanh, giai điệu, hát theo, vận động theo nhạc, cảm nhận về đẹp của tranh ảnh, đồ vật, thiên nhiên. Trẻ cũng được đánh giá qua việc sử dụng màu sắc, hình dạng trong vẽ, tô màu, xé – dán, nặn, trang trí sản phẩm theo ý thích. Giáo viên chú trọng khích lệ sự tự nhiên, hồn nhiên và sáng tạo trong mỗi sản phẩm, mỗi biểu cảm của trẻ, không áp đặt mà tạo môi trường mở để trẻ khám phá, thể hiện bản thân. Việc phát triển thẩm mỹ không chỉ giúp trẻ thêm yêu cái đẹp mà còn là cách để trẻ tự tin thể hiện cảm xúc và cá tính, góp phần nuôi dưỡng tâm hồn phong phú, hài hòa từ sớm.

2. Đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu giáo dục:

Việc đánh giá mức độ đạt được của các mục tiêu giáo dục đối với trẻ 24–36 tháng tuổi nhằm xác định hiệu quả của quá trình tổ chức hoạt động giáo dục và mức độ phát triển của trẻ so với các yêu cầu cụ thể trong chương trình. Các mục tiêu giáo dục bao gồm các lĩnh vực phát triển toàn diện: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội và thẩm mỹ. Giáo viên tiến hành đánh giá định kỳ dựa trên hệ thống các mục tiêu phát triển phù hợp với độ tuổi, thông qua quan sát trực tiếp trẻ trong quá trình sinh hoạt, học tập, vui chơi hàng ngày.

Đánh giá không chỉ tập trung vào việc trẻ làm được hay chưa, mà còn xem xét quá trình trẻ tham gia, mức độ tiến bộ và sự thay đổi hành vi qua thời gian. Từ kết quả đánh giá, giáo viên kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục, lựa chọn hình thức tổ chức phù hợp, cá nhân hóa hoạt động để hỗ trợ trẻ đạt được các mục tiêu một cách tự nhiên, nhẹ nhàng, không gây áp lực. Đồng thời, việc chia sẻ kết quả đánh giá với phụ huynh cũng giúp tăng cường sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình trong việc cùng hỗ trợ sự phát triển của trẻ theo định hướng: “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng.”

3. Đánh giá chất lượng tổ chức môi trường giáo dục:

Đánh giá chất lượng tổ chức môi trường giáo dục là quá trình xem xét mức độ phù hợp, an toàn, hấp dẫn và hiệu quả của không gian – điều kiện học tập và vui chơi mà nhà trường tổ chức cho trẻ 24–36 tháng tuổi. Việc đánh giá bao gồm cả môi trường vật chất (bên trong và bên ngoài lớp học) và môi trường xã hội (mối quan hệ giữa cô – trẻ, trẻ – trẻ, sự tương tác với gia đình).

Giáo viên và cán bộ quản lý căn cứ vào các tiêu chí như: tính mở, tính linh hoạt của các khu vực hoạt động; sự đa dạng, phong phú và phù hợp của học liệu; mức độ an toàn, sạch sẽ, thẩm mỹ của không gian; cách sắp xếp giúp trẻ dễ quan sát, dễ tiếp cận, dễ cất giữ và chủ động lựa chọn hoạt động. Đồng thời, việc xây dựng môi trường giao tiếp tích cực, khích lệ trẻ thể hiện cảm xúc, tôn trọng sự khác biệt và tạo điều kiện cho trẻ trải nghiệm là tiêu chí quan trọng phản ánh chất lượng môi trường giáo dục.

Việc đánh giá được thực hiện định kỳ nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tạo hoặc bổ sung, sáng tạo thêm không gian học tập – vui chơi phù hợp với sự phát triển của trẻ. Qua đó, môi trường giáo dục không chỉ đơn thuần là nơi học tập, mà còn là nơi khơi nguồn cảm hứng, rèn luyện kỹ năng và nuôi dưỡng sự tự tin của trẻ – đúng với phương châm hành động: “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng.”

4. Đánh giá hiệu quả phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh:

Việc đánh giá hiệu quả phối hợp giữa nhà trường và phụ huynh giữ vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ, đặc biệt ở lứa tuổi nhà trẻ (24–36 tháng), khi trẻ còn rất cần sự gắn kết chặt chẽ giữa môi trường giáo dục và gia đình. Nội dung đánh giá tập trung vào các khía cạnh như: mức độ tham gia của phụ huynh trong các hoạt động của nhà trường; sự chủ động, hợp tác của phụ huynh trong việc nắm bắt tình hình học tập, sinh hoạt của con tại lớp; việc phối hợp thống nhất giữa gia đình và giáo viên trong các biện pháp rèn luyện kỹ năng, hình thành thói quen, giải quyết các khó khăn của trẻ.

Đánh giá cũng xem xét hiệu quả của các hình thức tương tác giữa nhà trường – phụ huynh: trao đổi trực tiếp, qua số liên lạc điện tử, nhóm Zalo/lớp học, tổ chức họp phụ huynh, hoạt động trải nghiệm cùng con, ngày hội, hội thảo chuyên đề... Đồng thời, ghi nhận sự phản hồi từ phụ huynh về chất lượng giáo dục, sự hài lòng, góp ý xây dựng.

Từ kết quả đánh giá, nhà trường điều chỉnh nội dung, cách thức truyền thông, nâng cao năng lực tương tác, tư vấn cho phụ huynh để hình thành mối quan hệ đồng hành – chia sẻ thực chất. Đây là yếu tố then chốt để thực hiện hiệu quả phương châm: “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”, giúp trẻ phát triển toàn diện trong môi trường giáo dục thân thiện, gắn kết giữa nhà trường và gia đình.

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

Để đánh giá đúng thực chất sự phát triển của trẻ 24–36 tháng tuổi cũng như chất lượng thực hiện chương trình, giáo viên cần áp dụng đa dạng các phương pháp đánh giá, đảm bảo tính khách quan, toàn diện và liên tục trong quá trình chăm sóc – giáo dục. Các phương pháp đánh giá được sử dụng linh hoạt, lồng ghép vào các hoạt động hàng ngày của trẻ, bao gồm:

1. Quan sát hàng ngày

Đây là phương pháp chủ yếu và xuyên suốt trong đánh giá trẻ. Giáo viên quan sát trẻ trong các tình huống tự nhiên như chơi, ăn, ngủ, vệ sinh, hoạt động học – tập và giao tiếp để ghi nhận hành vi, thái độ, kỹ năng và tiến bộ của trẻ. Quan sát cần có mục tiêu rõ ràng, liên quan đến các chỉ số phát triển và được ghi chép cụ thể để làm cơ sở điều chỉnh giáo dục.

2. Trao đổi với trẻ

Giáo viên trò chuyện, đặt câu hỏi, lắng nghe trẻ bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ nhằm tìm hiểu khả năng ngôn ngữ, tư duy và nhận thức của trẻ. Việc trao đổi phải nhẹ nhàng, phù hợp với khả năng tiếp nhận của lứa tuổi nhà trẻ, giúp trẻ cảm thấy thoải mái và được tôn trọng.

3. Trưng bày và phân tích sản phẩm của trẻ

Giáo viên đánh giá thông qua các sản phẩm trẻ tạo ra trong hoạt động tạo hình, xây dựng, chơi lắp ghép, vẽ, nặn... để xác định mức độ sáng tạo, thẩm mỹ, kỹ năng và cách thể hiện ý tưởng của trẻ.

4. Phỏng vấn, trao đổi với phụ huynh

Giáo viên thu thập thông tin từ phụ huynh về sự phát triển, thói quen, sở thích, hành vi của trẻ ở nhà. Qua đó, có thêm dữ liệu để đối chiếu và đánh giá sự phát triển toàn diện của trẻ trong nhiều môi trường khác nhau.

5. Sử dụng phiếu, bảng kiểm, hồ sơ theo dõi

Giáo viên sử dụng các công cụ như bảng kiểm mục tiêu phát triển, hồ sơ theo dõi sự tiến bộ cá nhân của trẻ để đánh giá định kỳ theo từng lĩnh vực. Các biểu mẫu được thiết kế khoa học, dễ sử dụng, đảm bảo tính liên tục và hệ thống.

6. Phản hồi từ đồng nghiệp và cán bộ quản lý

Giáo viên có thể tham khảo ý kiến nhận xét từ đồng nghiệp, cán bộ quản lý lớp/trường để có cái nhìn khách quan và bổ sung góc nhìn chuyên môn cho quá trình đánh giá.

Thông qua các phương pháp trên, việc đánh giá không chỉ phục vụ báo cáo chất lượng mà còn là cơ sở để điều chỉnh kế hoạch giáo dục, hỗ trợ cá nhân hóa cho từng trẻ, đồng thời phát huy vai trò tương tác giữa giáo viên – trẻ – phụ huynh. Từ đó, từng bước hiện thực hóa môi trường “Trường học thông minh” và giúp “Bé tự tin tỏa sáng” mỗi ngày.

IV. CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

Để đánh giá hiệu quả sự phát triển của trẻ và chất lượng thực hiện chương trình, nhà trường và giáo viên cần sử dụng các công cụ đánh giá khoa học, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ 24–36 tháng tuổi. Các công cụ đánh giá được lựa chọn đảm bảo tính linh hoạt, dễ sử dụng và phản ánh đúng quá trình phát triển cá nhân của trẻ. Cụ thể:

1. Bảng kiểm mục tiêu phát triển

Là công cụ chủ yếu giúp giáo viên theo dõi mức độ đạt được của các mục tiêu phát triển theo từng lĩnh vực: thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội, thẩm mỹ. Giáo viên điền kết quả đánh giá dựa trên quan sát thực tế trong hoạt động hàng ngày của trẻ. Bảng kiểm được cập nhật định kỳ và dùng để so sánh tiến trình phát triển của từng trẻ theo thời gian.

2. Phiếu quan sát

Giáo viên sử dụng các phiếu quan sát có nội dung cụ thể cho từng hoạt động (chơi, ăn, ngủ, vệ sinh, giao tiếp, tạo hình...) để ghi lại hành vi, thái độ, kỹ năng, phản ứng của trẻ. Phiếu quan sát giúp giáo viên phản ánh sinh động quá trình trẻ trải nghiệm, từ đó có cơ sở điều chỉnh kế hoạch giáo dục.

3. Hồ sơ cá nhân của trẻ

Bao gồm các sản phẩm hoạt động của trẻ (vẽ, nặn, xé dán...), ảnh chụp quá trình tham gia hoạt động, nhận xét định kỳ của giáo viên và phản hồi từ phụ huynh. Hồ sơ là công cụ quan trọng để theo dõi sự phát triển toàn diện và thể hiện cá nhân hóa trong giáo dục.

4. Phiếu nhận xét định kỳ (tạo mã Qrcode gửi phụ huynh)

Được sử dụng vào cuối các giai đoạn đánh giá (tháng, quý, học kỳ). Nội dung thể hiện mức độ đạt được so với mục tiêu giáo dục, những thay đổi tích cực, hạn chế và hướng hỗ trợ tiếp theo cho trẻ. Phiếu này cũng là căn cứ để giáo viên trao đổi với phụ huynh về sự phát triển của trẻ.

5. Sổ theo dõi chất lượng giáo dục

Dành cho giáo viên ghi chép thường xuyên về các hoạt động tổ chức, phản hồi của trẻ, hiệu quả phương pháp, môi trường tổ chức... Công cụ này giúp đánh giá chất lượng thực hiện chương trình và đổi mới phương pháp phù hợp với thực tiễn lớp học.

6. Công cụ công nghệ hỗ trợ đánh giá

Áp dụng các phần mềm lưu trữ thông tin, ứng dụng bảng tương tác để lưu lại hình ảnh, video hoạt động của trẻ, từ đó tăng cường tính trực quan và minh bạch trong đánh giá. Đây cũng là điểm nhấn thể hiện định hướng “Trường học thông minh”.

IV. THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ:

Việc đánh giá sự phát triển của trẻ và chất lượng tổ chức các hoạt động giáo dục cần được thực hiện định kỳ, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý của trẻ 24–36 tháng tuổi, nhằm kịp thời theo dõi, điều chỉnh và nâng cao hiệu quả chăm sóc – giáo dục.

1.Đánh giá thường xuyên (hàng ngày, hàng tuần):

Giáo viên quan sát, ghi nhận các biểu hiện, hành vi, mức độ tham gia hoạt động của trẻ trong sinh hoạt và các hoạt động học tập để có điều chỉnh kịp thời phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ.

2.Đánh giá định kỳ hàng tháng:

Tổ chức đánh giá tổng hợp theo các lĩnh vực phát triển và kỹ năng xã hội – tình cảm, ghi nhận sự tiến bộ và những điểm cần hỗ trợ của từng trẻ, báo cáo kết quả với phụ huynh để phối hợp chăm sóc – giáo dục.

3.Đánh giá định kỳ cuối quý (3 tháng):

Đánh giá toàn diện hơn về sự phát triển của trẻ trên tất cả các lĩnh vực, đánh giá sự phù hợp của môi trường, phương pháp giáo dục đang áp dụng. Từ đó đề xuất các giải pháp cải tiến phù hợp nhằm thúc đẩy trẻ phát triển toàn diện.

4.Đánh giá cuối năm học:

Tổng hợp, phân tích kết quả đánh giá suốt năm học để đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu giáo dục theo chương trình, đồng thời làm cơ sở xây dựng kế hoạch giáo dục cho năm học tiếp theo.

PHẦN BA CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẪU GIÁO

A. MỤC TIÊU

Chương trình giáo dục mẫu giáo nhằm giúp trẻ em từ 3 – 6 tuổi phát triển hài hòa về các mặt thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp với lứa tuổi, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài và chuẩn bị tốt cho trẻ bước vào bậc tiểu học với sự tự tin và khả năng sáng tạo.

Mẫu giáo Bé	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Lớn
I. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
<i>* Phát triển vận động</i>		
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	MT 1. Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	MT 1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập TD theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.

Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động		
<p>MT 2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m. 	<p>MT 2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. 	<p>MT 2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30cm) một đầu kê cao 30cm - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế TD - Đứng 1 chân và giữ thăng bằng trong 10 giây
<p>MT 3. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3-4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài. 	<p>MT 3. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt dích dắc). 	<p>MT 3. Kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) - <i>Bật xa tối thiểu 50cm</i>
<p>MT 4. Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập- bắt bóng được 3 lần liền (đường kính bóng 18cm) 	<p>MT 4. Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liền không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp. 	<p>MT 4. Phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m) - Ném trúng đích đứng (xa 2m- cao 1,5m) - Đi, đập và bắt bóng được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp
<p>MT 5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. 	<p>MT 5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. 	<p>MT 5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m) - Bò vòng qua 5 - 6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.

- Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian.	- Chạy liên tục 300 m không hạn chế thời gian.	- Chạy liên tục 500 m không hạn chế thời gian. - Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay - mắt		
MT 6. Thực hiện được các vận động: - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau	MT 6. Thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay,	MT 6. Thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay - Gập, mở lần lượt từng ngón tay
MT 7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: - Vẽ được hình tròn theo mẫu - Cắt thẳng được một đoạn 10cm - Xếp chồng 8-10 khối không đồ - Tụ cài, cởi cúc.	MT 7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tụ cài, cởi cúc, buộc dây giày.	MT 7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số - Cắt được theo đường viền của hình vẽ - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tụ cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa phéc mơ tuya.
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
MT 8. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	MT 8. Biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. - Rau, quả chín có nhiều vitamin.	MT 8. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả
MT 9. Biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	MT 9. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	MT 9. Nói được tên 1 số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
MT 10. Biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác	MT 10. Biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn	MT 10. Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nước ngọt,

nhau.	khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	nước có ga, ăn đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT 11. - Cân nặng: Trẻ trai: 2,7-> 21,2 Kg Trẻ gái 12,3,7->21,5 Kg - Chiều cao: Trẻ trai: 94,9->111,7cm Trẻ gái 99,1-> 111,3cm	MT 11. - Cân nặng: Trẻ trai: 14,1-> 24,2 Kg Trẻ gái 13,7->24,9 Kg - Chiều cao: Trẻ trai: 100,7->119,2cm Trẻ gái 99,9-> 118,9cm	MT 11. - Cân nặng: Trẻ trai: 18,3-> 30,4Kg Trẻ gái 18,2->31,2Kg - Chiều cao: Trẻ trai: 100,7->132,1cm Trẻ gái 109,2-> 131,4cm
MT 12. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo - Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	MT 12. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	MT 12. Thực hiện được một số việc đơn giản. - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự rửa mặt, đánh răng - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi qui định - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe		
MT 13. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	MT 13. Có một số hành vi tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã.	MT 13. Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.
		MT 14. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.

		<ul style="list-style-type: none"> - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
<p>MT 14. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. 	<p>MT 14. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giày khi đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định. 	<p>MT 15. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ, đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... - Che miệng khi ho, hắt hơi - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.
Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
<p>MT 15. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>MT 15. Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.</p>	<p>MT 16. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn</p>
<p>MT 16. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.</p>	<p>MT 16. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p>	<p>MT 17. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần</p>
<p>MT 17. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. 	<p>MT 17. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không 	<p>MT 18. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc.. - Biết không tự ý uống thuốc - Biết: ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá

- Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	không tốt cho sức khỏe
	MT 18. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	MT 19. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
		MT 20. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...

II. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

* Khám phá khoa học

Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng

MT 18. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú	MT 19. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự	MT 21. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện
--	---	--

quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: “Vì sao cây lại héo?”; “ Vì sao lá cây bị ướn?”....	tượng: “Tại sao có mưa?”...
MT 19. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	MT 20. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.	MT 22. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
MT 20. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	MT 21. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	MT 23. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.
MT 21. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	MT 22. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	MT 24. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
MT 22. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	MT 23. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	MT 25. Phân loại đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT 23. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	MT 24. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”	MT 26. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”
	MT 25. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy	MT 27. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.

	nhANH hơn.	
Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
MT 24. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	MT 26. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	MT 28. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.
MT 25a. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	MT 27. Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	MT 29. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...
* Khám phá xã hội		
Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT 26. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	MT 28. Nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	MT 30. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.
MT 27. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	MT 29. Nói họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	MT 31. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.
MT 28. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	MT 30. Nói địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	MT 32. Nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố / thôn , xóm), số điện thoại (nếu có)... khi được hỏi, trò chuyện.
MT 29. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn , đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	MT 31. Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	MT 33. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.
	MT 32. Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	MT 34. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

	MT 33. Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	MT 35. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT 30. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	MT 34. Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi trò chuyện.	MT 36. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới...”
Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT 31. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	MT 35. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	MT 37. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”
MT 32. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	MT 36. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	MT 38. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.
Nhận biết số đếm, số lượng		
MT 33. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	MT 37. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...	MT 39. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...
MT 34. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	MT 38. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	MT 40. Đếm đến 10 và đếm theo khả năng.
MT 35. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	MT 39. So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	MT 41. So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.

MT 36. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	MT 40. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	MT 42. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm
MT 37. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	MT 41. Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	MT 43. Tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau và so sánh số lượng của 2 nhóm
	MT 42. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	MT 44. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10
	MT 43. Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	MT 45. Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.
Sắp xếp theo qui tắc		
MT 38. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	MT 44. Nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại	MT 46. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc.
		MT 47. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.
So sánh hai đối tượng		
MT 39. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	MT 45. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	MT 48. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả
Nhận biết hình dạng		
MT 40. Nhận dạng và gọi tên các hình:	MT 46. Chỉ ra các điểm giống, khác	MT 49. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác

tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật
	MT 47. Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
MT 41a. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	MT 48. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	MT 50. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.
<i>MT 41b. Làm quen với thiết bị công nghệ (bảng tương tác, máy tính bảng/ điện thoại) qua các hoạt động khám phá tự nhiên đơn giản như: nhận biết màu sắc, hình dạng, sự vật quen thuộc bằng phần mềm học tập.</i>	MT 49a. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	MT 51a. Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.
	<i>MT 49b. Sử dụng bảng tương tác/máy tính bảng/ điện thoại để tham gia trò chơi khám phá khoa học đơn giản (phân loại, ghép nối hình ảnh hiện tượng tự nhiên, con vật, cây cối).</i>	<i>MT 51 b. Sử dụng thành thạo 1 số phần mềm học tập, làm quen chọn hình ảnh đúng, trò chơi ghép đôi, nhận biết nhóm qua bảng tương tác, điện thoại thông minh hoặc phần mềm đã cài sẵn, có cô giáo hướng dẫn.</i>
III. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
Nghe hiểu lời nói		
MT 42. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	MT 50. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”.	MT 52. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.
MT 43. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...	MT 51. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	MT 53. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)

MT 44. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	MT 52. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	MT 54. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT 45. Nói rõ các tiếng.	MT 53. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	MT 55. Kể rõ ràng, có trình tự về sự vật, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.
MT 46. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	MT 54. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	MT 56. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...phù hợp với ngữ cảnh.
MT 47. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	MT 55. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	MT 57. Dùng được câu đơn, câu phức, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...
MT 48. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	MT 56. Kể lại sự việc theo trình tự.	MT 58. Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.
MT 49. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	MT 57. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	MT 59. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...
MT 50. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	MT 58. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	MT 60. Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay đổi tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.
MT 51. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	MT 59. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	MT 61. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.
MT 52. Sử dụng các từ “Vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa” ... trong giao tiếp.	MT 60. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	MT 62. Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”, “Xin phép”, “Dạ”, “Thưa”..phù hợp với tình huống.
MT 53. Nói đủ nghe, không nói lí nhí.	MT 61. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	MT 63. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
Làm quen với việc đọc – viết		
MT 54. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	MT 62. Chọn sách để xem.	MT 64. Chọn sách để “đọc” và xem.

MT 55. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	MT 63. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	MT 65. Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.
MT 56. Thích vẽ, ‘viết’ nguệch ngoạc.	MT 64. Cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. “đọc” sách theo tranh minh họa (“đọc vẹt”).	MT 66. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.
	MT 65. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	MT 67. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...
	MT 66. Sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,.. <i>Tập tô, tập đồ các nét chữ</i>	MT 68. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng việt.
		MT 69. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
IV.LĨNH VỰC TC - KNXH		
Thể hiện ý thức về bản thân		
MT 57. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	MT 67. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	MT 70. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
MT 58. Nói được điều bé thích, không thích.	MT 68. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	MT 71. Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.
		MT 72. Nói được mình có điểm gì giống và khác nhau (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).
		MT 73. Biết mình là con / cháu / anh / chị/ em trong gia đình.

		MT 74. Biết vâng lời , giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.
Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT 59. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	MT 69. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	MT 75. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)
MT 60. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	MT 70. Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	MT 76. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT 61. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	MT 71. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	MT 77. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.
MT 62. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	MT 72. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	MT 78. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
MT 63. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	MT 73. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lắng Bác Hồ.	MT 79. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.
MT 64. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	MT 74. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	MT 80. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)
	MT 75. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	MT 81. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.

		MT 82. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT 65. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	MT 76. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	MT 83. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.
MT 66. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	MT 77. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	MT 84. Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.
MT 67. Chú ý nghe khi cô, bạn nói	MT 78. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	MT 85. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
MT 68. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	MT 79. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	MT 86. Biết chờ đến lượt.
	MT 80. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật ...).	MT 87. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn
		MT 88. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn)

Quan tâm đến môi trường		
MT 70. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	MT 82. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	MT 89. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc
MT 71. Bỏ rác đúng nơi quy định	MT 83. Bỏ rác đúng nơi quy định	MT 90. Bỏ rác đúng nơi quy định
	MT 84. Không bẻ cành, bứt hoa.	MT 91. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành, ngắt hoa...)
	MT 85. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	MT 92. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau, khi dùng, không để thừa thức ăn.
V. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
MT 72. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	MT 86. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	MT 93. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.
MT 73. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	MT 87. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	MT 94. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc. - Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.

MT 74. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	MT 88. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	MT 95. Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT 75. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	MT 89. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	MT 96. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...
MT 76. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	MT 90. Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, vận động minh họa, múa).	MT 97. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)
MT 77. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	MT 91. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	MT 98. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.
MT 78. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	MT 92. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	MT 99. Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
MT 79. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	MT 93. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	MT 100. Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
MT 80. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	MT 94. Làm lõm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	MT 101. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.

MT 81. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	MT 95. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	MT 102 Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.
MT 82. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	MT 96. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	MT 103 Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
MT 83. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	MT 97. - Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc. - Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	MT 104. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật. - Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích - Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn
MT 84a. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	MT 98a. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	MT 105. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
<i>MT 84b. Tham gia vẽ, tô màu tranh đơn giản trên bảng tương tác hoặc phần mềm vẽ (Kids Doodle, Paint Joy, Tinkercad) dành cho trẻ.</i>	<i>MT 98b. Sáng tạo tranh điện tử đơn giản: + Vẽ và phối hợp màu sắc, chi tiết trên phần mềm vẽ (Kids Doodle, Paint Joy, Tinkercad) qua bảng tương tác/máy tính bảng, điện thoại. + Thể hiện sản phẩm nghệ thuật số: giới thiệu sản phẩm của mình (tranh vẽ, tranh ghép số) trước nhóm bạn bằng hình thức</i>	<i>MT 106. Sáng tạo tranh điện tử: tự vẽ, phối màu, trang trí và lưu trữ sản phẩm qua phần mềm vẽ (Kids Doodle, Paint Joy, Tinkercad) hoặc bảng/máy tính bảng/ điện thoại thông minh -Thuyết trình sản phẩm nghệ thuật cá nhân/tranh số đơn giản trước nhóm bạn: giới thiệu ý tưởng, mô tả nội dung sản phẩm qua bảng tương tác hoặc máy chiếu.</i>

trình chiếu đơn giản.

B. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

I. PHÂN PHỐI THỜI GIAN

- Chương trình thiết kế cho 35 tuần, mỗi tuần 5 ngày. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục được thực hiện theo chế độ sinh hoạt hằng ngày.
- Thời điểm nghỉ hè, các ngày lễ, tết, nghỉ học kì theo qui định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CHẾ ĐỘ SINH HOẠT

Thời gian	Thời lượng	Hoạt động CS – GD	Hoạt động dịch vụ	Thời lượng
7h15 – 8h00	30 phút	- Giáo viên vệ sinh, thông thoáng phòng học - Đón trẻ, <i>điểm danh thông minh (Face ID)</i> , chơi các góc chơi		
8h00 – 8h45	30 phút	Thể dục sáng – <i>Làm quen với Tiếng Anh theo chương trình riêng của nhà trường có lịch cụ thể dự kiến tuần 2 buổi</i>		
8h45 – 10h40	30 - 35 phút	Hoạt động học		
	30 – 35 phút	Hoạt động ngoài trời		
	40 - 50 phút	Hoạt động góc – Hoặc hoạt động giao lưu tập thể		
10h40 – 10h55	15 phút	Vệ sinh cá nhân – Chuẩn bị ăn		
10h55- 11h40	45 phút	Ăn bữa chính		
11h40 – 11h55	15 phút	Vệ sinh cá nhân - Chuẩn bị ngủ		
11h55 – 14h15	140 phút	Ngủ trưa		
14h15 – 14h30	15 phút	Vệ sinh cá nhân – Vận động nhẹ - Chuẩn bị ăn	<i>Hoạt động ngoại khóa:</i> <i>-Lập trình Robot Steam Gakken</i> <i>- Giáo dục kỹ năng sống</i> <i>-Tiếng Anh chất lượng cao</i> <i>-Môn Pickleball nhí; tiền tiểu học (5-6 tuổi)</i> <i>- Vận động theo nhạc</i>	1 buổi/tuần
14h30 – 15h15	45 phút	Ăn bữa phụ - Chơi nhẹ ở các góc chơi - Uống sữa		2 buổi/tuần
15h15 – 15h30	15 phút	Vệ sinh cá nhân		
15h30 – 16h30	60 phút	Hoạt động chiều Hoạt động ngoại khóa, bổ trợ		
16h30 – 17h30	60 phút	Chơi, hoạt động theo ý thích – Trả trẻ		

C. NỘI DUNG

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

- Đảm bảo trẻ mẫu giáo phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, trí tuệ.
- Tạo môi trường học tập, vui chơi thông minh và an toàn, giúp trẻ mạnh dạn, tự tin trong giao tiếp và hoạt động.
- Phát huy vai trò của nhà trường, giáo viên, gia đình và cộng đồng trong việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe trẻ em.

1. Tổ chức bữa ăn

- Lựa chọn thực phẩm đầu vào: Thực phẩm được lấy từ đơn vị cung ứng có ký hợp đồng với nhà trường, đảm bảo tính pháp lý, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Chế độ dinh dưỡng phù hợp theo từng độ tuổi, từng mùa đáp ứng nhu cầu phát triển về thể chất của trẻ. Thực đơn được thay đổi theo tuần.
- Số bữa ăn: 1 bữa chính, 1 bữa phụ.
 - + Bữa chính (trưa): Đảm bảo bữa ăn tiêu chuẩn, có trên 10 loại thực phẩm, trong đó có từ 3 đến 5 loại rau, củ và bao gồm các món: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng (sữa chua, sữa probi hoặc hoa quả theo mùa) từ thứ hai đến thứ năm;
 - + Bữa phụ (chiều): thực đơn thay đổi theo mùa và sữa
- Điều chỉnh cân đối thực phẩm để đảm bảo cơ cấu bữa ăn, cân đối các chất, tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13 - 20%; L: 25 - 35%; G: 52- 60%. Thực hiện tính tỷ lệ Ca, B1 trong thực đơn bữa ăn của trẻ và cân đối kịp thời: Canxi: 420mg Ca/ngày/trẻ, B1: 0.52mg B1/ngày/trẻ.
- Nước uống: 1,6 lít – 2,0 lít /trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn); nhà trường sử dụng nước đóng chai HADOWA trong toàn trường, có ký hợp đồng mang tính pháp lý, cam kết chất lượng và xét nghiệm nước uống tinh khiết đóng chai theo quy định.
- Tăng cường ăn bổ sung phòng chống nóng, phòng chống rét, phòng chống dịch:
 - + Tăng cường ăn phomai vào những đợt trời rét đậm, rét hại trong năm.
 - + Tăng cường bữa phụ chiều: uống bổ sung thêm nước quả vào những đợt trời nắng nóng.
- Tăng cường ứng dụng công nghệ
 - + Sử dụng phần mềm để báo cáo tình hình ăn uống từng trẻ cho phụ huynh hằng ngày/tuần.
 - + Chia sẻ video clip bữa ăn mẫu, hướng dẫn xây dựng khẩu phần ăn tại nhà cho cha mẹ.

+ Tổ chức hoạt động trải nghiệm – giáo dục dinh dưỡng: Tổ chức Bé làm đầu bếp, Bé làm món ăn yêu thích, Ngày hội ẩm thực. Trải nghiệm ẩm thực nhật cuối tháng. Tiệc bufee trong các sự kiện. Cho trẻ nhận biết và gọi tên các món ăn, nguyên liệu, công dụng thực phẩm. Giáo dục trẻ phân biệt món ăn tốt – không tốt, tập nói lời cảm ơn sau bữa ăn.

- Kết quả mong đợi:

+ Trẻ ăn ngon miệng, phát triển thể chất tốt, có nếp sinh hoạt khoa học.

+ Trẻ tự tin, có ý thức giữ gìn vệ sinh và văn hóa ăn uống.

+ Phụ huynh yên tâm khi con được chăm sóc chu đáo, khoa học.

2. Tổ chức ngủ

a. Mục tiêu

- Đảm bảo trẻ có giấc ngủ trưa sâu, đủ thời gian (khoảng 140 phút) để phục hồi năng lượng sau buổi sáng học tập và vui chơi.

- Hình thành cho trẻ thói quen tự lập, nề nếp trong giờ ngủ.

- Góp phần phát triển thể chất, tinh thần và tăng cường hệ miễn dịch cho trẻ.

b. Nội dung và biện pháp thực hiện

- Chuẩn bị không gian và điều kiện ngủ

+ Phòng ngủ sạch sẽ, thoáng mát, yên tĩnh, ánh sáng nhẹ nhàng.

+ Giường/đệm/chiều/phòng ngủ được sắp xếp gọn gàng, đảm bảo khoảng cách an toàn.

+ Chăn, gối, đệm cá nhân của từng trẻ được vệ sinh định kỳ; có kệ/tủ riêng để lưu trữ chăn gối.

- Hướng dẫn trẻ vào giấc ngủ một cách nhẹ nhàng

+ Trước khi ngủ: cho trẻ đi vệ sinh, rửa mặt, uống nước, vệ sinh cá nhân.

+ Giáo viên kể chuyện, bật nhạc nhẹ/ru ngủ giúp trẻ thư giãn.

+ Nhắc nhở trẻ nằm đúng tư thế, không trò chuyện khi ngủ.

- Giáo viên theo dõi giấc ngủ của trẻ

+ Quan sát thường xuyên, đảm bảo an toàn cho trẻ trong khi ngủ.

+ Điều chỉnh chăn gối, tư thế ngủ nếu cần thiết.

+ Theo dõi các biểu hiện bất thường như sốt, ho, mồ hôi lạnh, mơ ngủ... để xử lý kịp thời.

- Giáo dục trẻ nề nếp và kỹ năng tự phục vụ

+ Trẻ tự lấy và gấp chăn, gối, sắp xếp đúng vị trí sau khi ngủ dậy.

- + Dạy trẻ gấp quần áo, thay đồ,....sau giờ ngủ.
- + Giáo viên làm mẫu, kèm cặp trẻ rèn kỹ năng một cách nhẹ nhàng, kiên trì.
- Ứng dụng công nghệ hỗ trợ
 - + Sử dụng camera nội bộ trong phòng ngủ để hỗ trợ quản lý và giám sát
 - + Xây dựng video/tài liệu hướng dẫn cha mẹ cách rèn thói quen ngủ tốt tại nhà.
 - + Phối hợp với phụ huynh về giờ giấc sinh hoạt để trẻ có giấc ngủ ổn định cả ở nhà và trường.

c. Kết quả mong đợi

- Trẻ có giấc ngủ trưa chất lượng, cơ thể được phục hồi, tinh thần vui vẻ.
- Hình thành thói quen tự lập, ngăn nắp sau khi ngủ dậy.
- Tạo môi trường sinh hoạt đồng bộ, khoa học giữa nhà trường và gia đình.

3. Vệ sinh:

- Đảm bảo vệ sinh cá nhân. Có tủ đựng đồ dùng cá nhân, áo đồng phục cho cá nhân trẻ.
- Hệ thống cửa ra vào, cửa sổ các lớp học được lắp đặt lưới chống muỗi, chống côn trùng.
- Đảm bảo vệ sinh môi trường trong toàn trường; vệ sinh lớp học, đồ dùng, đồ chơi, các dụng cụ phục vụ sinh hoạt hàng ngày của trẻ.
- Tăng cường các biện pháp đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm
- Giữ sạch nguồn nước đảm bảo chất lượng nước (6 tháng kiểm định chất lượng nước/ lần) và xử lý rác, nước thải đúng qui định

đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Đặc biệt chú trọng công tác đảm bảo vệ sinh an toàn cho trẻ và phòng chống dịch bệnh: Duy trì thường xuyên có chất lượng các nề nếp vệ sinh cá nhân, vệ sinh đồ dùng, đồ chơi, vệ sinh môi trường. Các đợt dịch bệnh: theo dõi sức khỏe trẻ; vệ sinh, tẩy trùng các đồ dùng đồ chơi, vật dụng bằng Cloramin B và xà phòng thông thường. Tăng cường nhỏ mũi, rửa tay bằng nước sát khuẩn.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

a. Mục tiêu

- Đảm bảo trẻ luôn có sức khỏe tốt, phòng tránh và hạn chế tối đa các bệnh tật thường gặp.
- Xây dựng môi trường học tập, vui chơi an toàn, lành mạnh cho trẻ.
- Nâng cao ý thức phòng ngừa tai nạn và chăm sóc sức khỏe cho trẻ trong nhà trường và gia đình.

b. Nội dung và biện pháp thực hiện

- Vệ sinh cá nhân và môi trường

- + Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, khi tay bẩn.
 - + Tổ chức vệ sinh lớp học, đồ chơi, vật dụng hằng ngày; phun thuốc khử khuẩn định kỳ.
 - + khu vực sân chơi sạch sẽ, không có vật sắc nhọn, nguy hiểm.
 - Theo dõi sức khỏe định kỳ
 - + Cân đo, kiểm tra sức khỏe cho trẻ định kỳ theo tháng/quý.
 - + Ghi chép, cập nhật hồ sơ sức khỏe cá nhân của từng trẻ.
 - + Phát hiện sớm các dấu hiệu bệnh, phối hợp với phụ huynh đưa trẻ đi khám kịp thời.
 - Phòng chống dịch bệnh và xử lý kịp thời
 - + Tuyên truyền, giáo dục trẻ và phụ huynh về phòng bệnh: tay chân miệng, sởi, cúm, sốt xuất huyết, COVID-19...
 - + Áp dụng các biện pháp phòng chống dịch nghiêm ngặt theo hướng dẫn của y tế địa phương.
 - + Có quy trình xử lý khi trẻ có dấu hiệu bệnh trong trường: cách ly tạm thời, báo cáo, chăm sóc y tế.
 - An toàn trong nhà trường
 - + Kiểm tra an toàn các thiết bị, đồ chơi, dụng cụ học tập, đảm bảo không có nguy cơ gây thương tích.
 - + Tổ chức huấn luyện, tập huấn kỹ năng phòng cháy chữa cháy cho giáo viên và trẻ em.
 - + Giám sát chặt chẽ trẻ trong các hoạt động học tập, vui chơi, đi lại trong và ngoài trường.
 - Giáo dục kỹ năng an toàn cho trẻ
 - + Dạy trẻ nhận biết các dấu hiệu nguy hiểm, không chơi gần nơi nguy hiểm như điện, nước, đường đi.
 - + Rèn kỹ năng tự bảo vệ, báo hiệu khi có sự cố xảy ra.
 - + Tổ chức các trò chơi, tình huống giả lập để trẻ học cách xử lý tình huống khẩn cấp.
 - Phối hợp với gia đình và cộng đồng
 - + Thường xuyên trao đổi thông tin về sức khỏe và an toàn của trẻ với phụ huynh.
 - + Tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo chia sẻ kiến thức chăm sóc sức khỏe và an toàn cho trẻ.
 - + Kêu gọi cộng đồng hỗ trợ xây dựng môi trường an toàn, thân thiện cho trẻ.
- c. Kết quả mong đợi
- Trẻ khỏe mạnh, giảm thiểu bệnh tật và tai nạn trong trường học.
 - Môi trường học tập, vui chơi đảm bảo an toàn, sạch đẹp, thân thiện.
 - Trẻ có ý thức và kỹ năng cơ bản về tự bảo vệ và chăm sóc sức khỏe.

II. GIÁO DỤC

1. Giáo dục phát triển thể chất

Nội dung giáo dục phát triển thể chất bao gồm: phát triển vận động và giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe.

a) Phát triển vận động

- Tập động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.
- Tập luyện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động.
- Tập các cử động bàn tay, ngón tay và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ.

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

- Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.
- Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.
- Giữ gìn sức khỏe và an toàn.

* Nội dung giáo dục theo độ tuổi

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
Phát triển vận động			
1. Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra.		
	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực.	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu).	- Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao
	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải.	- Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang	- Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
		phải.	phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái.
2. Tập luyện các kĩ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất trong vận động	<ul style="list-style-type: none"> - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. + Đạp xe 	<ul style="list-style-type: none"> - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. + Đi xe đạp từ 300-500m 	<ul style="list-style-type: none"> - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. + Đi xe đạp từ 300m-500m + Pickeball nhí
	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi kiễng gót. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. + Đi trong đường hẹp. + Đi theo đội hình + Chạy đường dài 100-200m 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi bằng gót chân, đi khuyu gối, đi lùi. + Đi trên ghé thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. + Chạy 15m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm 60-80m. + Chạy đường dài 200-300m 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi và chạy: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván kê dốc. + Đi nổi bàn chân tiến, lùi. + Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy 18m trong khoảng 10 giây. + Chạy chậm khoảng 100-120m. + Chạy nhanh khoảng 100-200m + Chạy đường dài khoảng 300-500m
	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc. + Bò chui qua cổng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. + Bò dích dắc qua 5 điểm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bò, trườn, trèo: + Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. + Bò dích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<ul style="list-style-type: none"> + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bậc cao (cao 30cm). 	<ul style="list-style-type: none"> + Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. + Trườn theo hướng thẳng. + Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 5 gióng thang. 	<ul style="list-style-type: none"> + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên xuống 7 gióng thang.
	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Kéo dây bằng 2 tay 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Kéo dây bằng 2 tay theo hiệu lệnh 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung, ném, bắt: + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung, đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. + Chuyển, bắt bóng qua đầu, qua chân. + Chơi bóng chuyền + Chơi bóng rổ + Chơi kéo co
	<ul style="list-style-type: none"> - Bật - nhảy: + Bật tại chỗ. + Bật về phía trước. + Bật xa 20 - 25 cm. + Nhảy qua vòng 	<ul style="list-style-type: none"> - Bật - nhảy: + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 35 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. + Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. + Nhảy lò cò 3m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bật - nhảy: + Bật liên tục vào vòng. + Bật xa 40 - 50cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (40 - 45cm). + Bật tách chân, khép chân qua 7 ô. + Bật qua vật cản 15 - 20cm. + Nhảy lò cò 5m.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
3. Tập các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt và sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	<ul style="list-style-type: none"> - Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay cổ tay, cuộn cổ tay. - Đan, tết. - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xé, dán giấy. - Sử dụng kéo, bút - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Cài, cởi cúc. <p>Các bài tập ứng dụng Montessori:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách đóng mở cửa. - Cởi giày và đi giày, cất dép. - Cất ba lô. - Cách đứng lên và ngồi xuống ghế. - Cách bê ghế, ngồi ghế và cất ghế. - Cách mặc quần, kéo khóa. - Cách mặc áo, cởi áo, gấp áo. - Cách đóng và mở - cửa ra vào - Xúc hạt, kẹp gấp - Sát khuẩn tay đúng cách - Sắp xếp đồ chơi gọn gàng - Cách cài khuy áo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi ... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây. <p>Các bài tập ứng dụng Montessori:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cởi giày và đi giày, cất dép. - Cất ba lô. - Cách mặc áo, cởi áo, gấp áo. - Cách cài khuy áo. - Cách rót nước. - Chuyển vật thể bằng tay - Chuyển vật thể bằng thìa to - Chuyển vật thể bằng nhíp - Chuyển vật thể rót khô từ cốc trong sang cốc trong - Chuyển vật thể bằng phễu. - Cách di chuyển bình chứa nước - Bộ rót khô từ nôi rót sang 2 cốc khác nhau - Rót nước từ bình nhỏ sang bình nhỏ - Rót từ bình sang 3 chén nhỏ 	<ul style="list-style-type: none"> - Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay - Bẻ, nắn - Lắp, ráp - Xé, cắt đường vòng cung - Tô, đồ theo nét. - Cài, cởi cúc, kéo khoá(phéc-mo-tuy-a), khâu, luôn, buộc dây. <p>Các bài tập ứng dụng Montessori:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách đóng mở cửa ra vào - Cởi giày và đi giày, cất dép. - Cất ba lô. - Cách lấy ghế, bê ghế, ngồi ghế - Trò chơi im lặng - Cách rửa tay. - Cách lấy thảm, trải thảm, cuộn thảm. - Cách sử dụng dao, kéo, thìa - Cầm và chuyển đồ dùng sắc nhọn. - Chuyển hạt. - Chuyển vật thể bằng tay - Chuyển vật thể bằng thìa to - Chuyển vật thể bằng nhíp - Chuyển vật thể bằng đũa - Chuyển vật thể bằng phễu - Rót khô từ nôi rót sang 2 cốc giống nhau - Rót nước từ bình nhỏ sang bình nhỏ - Rót nước từ bình sang 3 chén nhỏ giống nhau

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<ul style="list-style-type: none"> - Cách gấp khăn lại. - Cách kẹp áo - Cách gấp khăn, cuộn giấy - Cách rót nước. - Cách lau chùi nước. - Vắt khăn ướt. - Cách sử dụng kéo, thìa. - Cách trải thảm, trải chiếu. - Chuyển hạt. - Chuyển vật thể bằng đũa - Chuyển vật thể bằng thìa to - Bỏ tấm vào lọ 	khác nhau <ul style="list-style-type: none"> - Rót từ bình bằng chai vào phễu. - Khuấy bột và vớt bột - Chuyển nước bằng ống bóp nhỏ - Đóng mở chai lọ - Bỏ đóng mở khóa ví - Cách thắt, cởi dây giày - Cách đóng mở đai da. 	<ul style="list-style-type: none"> - Rót nước từ 1 nồi rót sang 3 cốc khác nhau - Rót nước từ bình vào chai bằng phễu - Khuấy bột và vớt bột - Chuyển nước bằng miếng mút - Chuyển nước bằng xi lanh - Chuyển nước bằng ống bóp nhỏ - Bảo toàn khối lượng nước - Đóng mở chai lọ - Đóng mở khóa ví - Bỏ thả tấm
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe			
1. Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng). - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). 		
2. Tập làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời 	<ul style="list-style-type: none"> Tập đánh răng, lau mặt. - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<p>nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.</p> <p>* Thực hiện các kỹ năng thực hành cuộc sống ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách đi cầu thang. - Cách rửa mặt - Kỹ năng vệ sinh mắt - Đánh răng đúng cách - Cách súc miệng bằng nước muối. - Cách lấy nước và uống nước. - Cách xử lý khi ho. - Cách xử lý hỉ mũi. - Vắt quýt. - Bóc vỏ chuối - Lạo dưa chuột - Bóc vỏ quýt. - Vắt nước cam - Chuẩn bị giờ ăn nhẹ. - Dạy trẻ kỹ năng chải tóc - Bóc trứng. - Nhặt rau ngót - Tẽ Ngô - Quét rác trên sàn. 	<p>* Thực hiện các kỹ năng thực hành cuộc sống ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách súc miệng bằng nước muối. - Cách lấy nước và uống nước. - Cách rửa tay. - Cách đánh răng - Cách chải tóc - Cách bê ghế, ngồi ghế và cất ghế. - Cách phủ bụi. - Cắt quả chuối. - Cách cắt táo (Ổi). - Cách nạo dưa chuột. - Cách tuốt rau ngót (Nhặt rau muống, rau cải). - Cách bóc vỏ quýt (Vỏ cam). - Cách bóc lạc. - Cách bóc trứng. - Cách giã vỏ trứng. - Cách giã ruốc 	<p>* Thực hiện các kỹ năng thực hành cuộc sống ứng dụng phương pháp giáo dục Montessori:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách đi theo đường line - Vắt cam. - Chải tóc - Tắt tóc. - Nạo dưa và thái dưa chuột, thái chuối - Bóc trứng. - Quét rác trên sàn. - Sử dụng đũa. - Buộc túi. - Cách rửa bát đĩa. - Cách quét sân nhà. - Cắt cắm hoa. - Cách vệ sinh cuối tuần. - Cách phủ bụi. - Cắt quả chuối. - Cách cắt táo (Ổi). - Cách nạo dưa chuột. - Cách tuốt rau ngót (Nhặt rau muống, rau cải). - Cách bóc vỏ quýt (Vỏ cam). - Cách bóc lạc. - Cách bóc trứng. - Cách giã vỏ trứng.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
			- Cách bày bàn ăn.
3. Giữ gìn sức khoẻ và an toàn	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Tập luyện các bài tập Yoga		
	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người.		
	- Nhận biết trang phục theo thời tiết.	- Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.	- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết, thực hành các kỹ năng về phòng cháy chữa cháy và thoát hiểm an toàn - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.		

2. Giáo dục phát triển nhận thức

a) Khám phá khoa học

- Các bộ phận của cơ thể con người.
- Đồ vật.
- Động vật và thực vật.
- Một số hiện tượng tự nhiên.

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Xếp tương ứng.
- So sánh, sắp xếp theo qui tắc.

- Đo lường.
- Hình dạng.
- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian.

c) Khám phá xã hội

- Bản thân, gia đình, họ hàng và cộng đồng.
- Trường mầm non.
- Một số nghề phổ biến.
- Danh lam, thắng cảnh và các ngày lễ, hội.

*** Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

Khám phá khoa học

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Các bộ phận của cơ thể con người	Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể.	Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	
2. Đồ vật: <i>Đồ dùng, đồ chơi</i>	Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, chất liệu, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
<i>Phương tiện giao thông</i>	Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - <i>Chất liệu của đồ dùng, đồ chơi</i> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. 	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu.
		Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.	Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
3. Động vật và thực vật	- Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	- Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.	- Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật.
		- So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
		- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu.	- Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.
	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	
	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây.	
4. Một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết, mùa	Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.
Ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng	Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.	Sự khác nhau giữa ngày và đêm.	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
Nước	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.	
		- Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
Không khí, ánh sáng,	Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày.	Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.	
Đất đá, cát, sỏi	Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.		
	<ul style="list-style-type: none"> - Ứng dụng GD Steam Nhật Bản ở 11 chủ đề Pháo không khí, phản ứng hoá học, Màu sắc 3D, Âm thanh, Điều, Rocket, Không khí ma sát, Gương, Bóng, Lực từ trường, Cơ chế kết dính - Khám phá màu sắc và hình dạng qua phần mềm ABC Kids - Trò chơi ghép đôi hình ảnh con vật và cây cối trên máy tính bảng - Trò chơi phân loại con vật, hiện tượng thiên nhiên qua ứng dụng Kids Science - Ghép nối hình ảnh cây và quả tương ứng - Tham gia trò chơi chọn hình ảnh đúng về màu sắc và sự vật quen thuộc - Sử dụng phần mềm PBS Kids để phân loại, nhận biết nhóm sinh vật và hiện tượng tự nhiên - Tham gia trò chơi khám phá khoa học qua bảng tương tác: phân loại, ghép nối hình ảnh - Ghép đôi hình ảnh, nhận biết nhóm qua phần mềm Memory Games for Kids - Khám phá và phân loại các hiện tượng thiên nhiên phức tạp hơn qua phần mềm Kids Science hoặc PBS Kids - Tham gia trò chơi ghép nối, phân loại đa dạng chủ đề tự nhiên trên bảng tương tác 		

Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.
	- Nhận biết 1 và nhiều.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10.
	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.		- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
		- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,...).	
2. Xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
3. So sánh, sắp xếp theo qui tắc	- So sánh 2 đối tượng về kích thước. - Xếp xen kẽ.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	
			- Tạo ra qui tắc sắp xếp.
4. Đo lường		- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
		- Đo dung tích bằng một đơn vị đo	- Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
5. Hình dạng	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
	- Sử dụng các hình hình học để ghép.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
			- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau.
6. Định hướng	Nhận biết phía trên - phía dưới,	- Xác định vị trí của đồ vật so với	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
trong không gian và định hướng thời gian	phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
		- Nhận biết các buổi: sang, trưa, chiều, tối	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai
			- Gọi tên các thứ trong tuần

Khám phá xã hội

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân. - Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. Địa chỉ gia đình.	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân. - Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.	Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình.
	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Tên, địa chỉ của trường lớp. Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. - Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	- Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non; công việc của các cô bác trong trường. - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.
2. Một số nghề trong xã hội	Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
3. Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hoá	Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước.	

3. Giáo dục phát triển ngôn ngữ

a) Nghe

- Nghe các từ chỉ người, sự vật, hiện tượng, đặc điểm, tính chất, hoạt động và các từ biểu cảm, từ khái quát.
- Nghe lời nói trong giao tiếp hằng ngày.
- Nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

b) Nói

- Phát âm rõ các tiếng trong tiếng Việt.
- Bày tỏ nhu cầu, tình cảm và hiểu biết của bản thân bằng các loại câu khác nhau.
- Sử dụng đúng từ ngữ và câu trong giao tiếp hằng ngày. Trả lời và đặt câu hỏi.
- Đọc thơ, ca dao, đồng dao và kể chuyện.
- Lễ phép, chủ động và tự tin trong giao tiếp.

c) Làm quen với việc đọc, viết

- Làm quen với cách sử dụng sách, bút.
- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống.
- Làm quen với chữ viết, với việc đọc sách.

* Nội dung giáo dục theo độ tuổi

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Nghe	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	- Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.
	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	
	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi.		
	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.		
2. Nói	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.	- Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có? - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.
	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng.
	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.		
	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.		
	- Kể lại truyện đã được nghe có sự giúp đỡ.	- Kể lại truyện đã được nghe.	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.
	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh.
	- Kể lại sự việc.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	- Kể lại sự việc theo trình tự.
	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	- Đóng kịch.	
- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao			

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
3. Làm quen với đọc, viết	thông:đường cho người đi bộ,...)		
	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện.	- Nhận dạng một số chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.	- Nhận dạng các chữ cái.
			- Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.
	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.		
	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	
	- Giữ gìn sách.	- Giữ gìn, bảo vệ sách.	

4. Giáo dục phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội

a) Phát triển tình cảm

- Ý thức về bản thân.
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.

b) Phát triển kỹ năng xã hội

- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.
- Quan tâm bảo vệ môi trường.

* Nội dung giáo dục theo độ tuổi

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Phát triển tình cảm	- Tên, tuổi, giới tính. - Những điều bé thích, không thích.	- Tên, tuổi, giới tính. - Sở thích, khả năng của bản thân.	- Sở thích, khả năng của bản thân. - Điểm giống và khác nhau của mình với người khác. - Vị trí và trách nhiệm của bản thân
- Ý thức về bản			

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
thân			<p>trong gia đình và lớp học.</p> <p>- Thực hiện công việc được giao (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).</p> <p>- Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động.</p> <p>- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến</p>
<p>- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật và hiện tượng xung quanh.</p>	<p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.</p> <p>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.</p>	<p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.</p> <p>- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.</p>	<p>- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.</p> <p>- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</p> <p>- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.</p>
	<p>- Những câu chuyện, cuốn sách: “Trái tim yêu thương”</p> <p>- Những cử chỉ - hành động yêu thương. Tham gia hoạt động từ thiện tại trường, lớp</p> <p>- Hoạt động giáo dục cảm xúc</p> <p>+ Trò chơi cảm xúc</p> <p>+ Kể chuyện về cảm xúc</p>	<p>- Bày tỏ tình cảm của mình trong mục: "Lời con muốn nói"</p> <p>- Những câu chuyện trong chương trình: “Quà tặng cuộc sống”, hiểu được những giá trị của tình yêu thương đơn giản, phù hợp với trẻ.</p> <p>- Tham gia làm những cuốn sách: " Trái tim yêu thương" của lớp.</p> <p>- Những động thể hiện sự quan tâm, chăm sóc với những người xung quanh trong các sự kiện ngày hội, ngày lễ:</p> <p>- Các hoạt động giúp trẻ thể hiện tình yêu thương, niềm hạnh phúc,</p>	

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<ul style="list-style-type: none"> + Bày tỏ lòng tốt + Hoạt động về kết nối cảm xúc - Thực hành giao tiếp cảm xúc: Dạy trẻ cách sử dụng các câu đơn giản để diễn tả cảm xúc của mình, như "Tôi cảm thấy vui khi chơi với bạn" hoặc "Tôi buồn khi mất đồ chơi". - Tạo môi trường khuyến khích cảm xúc - Tạo không gian an toàn để thể hiện cảm xúc - Khuyến khích hành vi tích cực: Khen ngợi và công nhận những hành vi tích cực như chia sẻ, hợp tác và giải quyết xung đột, để khuyến khích trẻ tiếp tục hành vi này. 	<p>yêu thương, vui vẻ, hài lòng qua lời nói và hành vi, cũng như phát triển kỹ năng chia sẻ, hợp tác và giải quyết xung đột trong các tình huống xã hội, bạn có thể triển khai các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nhận diện và diễn tả cảm xúc + Diễn xuất cảm xúc + Kể chuyện và thảo luận: + Đọc sách về cảm xúc: + Chia sẻ và hợp tác <p>Giải quyết xung đột</p> <p>Hoạt động kết nối:</p> <p>Tạo cơ hội tương tác tích cực</p> <p>Mô hình hóa các hành vi tích cực</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khen ngợi và động viên + Tham gia hoạt động từ thiện tại trường. 	
	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. 	
<p>2. Phát triển kỹ năng xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào hỏi, cảm ơn). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chờ đến lượt, hợp tác. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	- Chơi hoà thuận với bạn.	- Quan tâm, giúp đỡ bạn.	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn.
	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Phân biệt hành vi “đúng”- “sai”, “tốt” - “xấu”.	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.
			<i>- Trẻ có nếp sống thanh lịch, văn minh thông qua các bài học trong tài liệu giáo dục thanh lịch, văn minh cho học sinh Hà Nội (Dành cho trẻ 5-6 tuổi).</i>
- Quan tâm đến môi trường	- Tiết kiệm điện, nước. - Giữ gìn vệ sinh môi trường. - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối		

5. Giáo dục phát triển thẩm mỹ

- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống gần gũi xung quanh trẻ và trong các tác phẩm nghệ thuật.

- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).

- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)

* **Nội dung giáo dục theo độ tuổi**

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
-----------------	-------------------	-------------------	-------------------

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).	Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe, hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình (vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình).	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Nhận biết độ nhanh - chậm của âm thanh - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. - Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc, vận động minh họa, nhảy tự do (Free Dance) nhảy theo nhạc (Music and Movement), nhảy theo hình 	<ul style="list-style-type: none"> Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca) - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát, vận động minh họa, múa, nhảy flashmob, aerobic. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc, nhảy: Nhảy theo điệu nhạc (Rhythmic Dance), Nhảy theo chủ đề (Thematic Dance), Nhảy sáng tạo (Creative Dance), 	<ul style="list-style-type: none"> Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển). Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Làm quen với cách hát Rap, hát đệm - Xướng âm đúng cao độ nốt Sol, Mi, La, Do, Re. - Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc Việt Nam, Nước ngoài, nhảy theo bài hát, bản nhạc: Nhảy theo điệu nhạc (Rhythmic Dance), Nhảy theo chủ đề (Thematic Dance), Nhảy sáng tạo (Creative

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
	<p>dạng và màu sắc (Shape and Color Dance), Nhảy theo chủ đề (Thematic Dance), Nhảy theo chỉ dẫn (Follow-the-Leader Dance), Nhảy với dụng cụ (Dance with Props), Nhảy theo câu chuyện (Story Dance)</p>	<p>Nhảy nhóm (Group Dance), Nhảy theo hướng dẫn (Follow-the-Leader Dance), Nhảy theo kiểu vũ điệu (Basic Ballet and Folk Dance), Nhảy theo câu chuyện (Storytelling Dance), Nhảy với dụng cụ (Dance with Props)</p>	<p>Dance), Nhảy nhóm (Group Dance) Nhảy theo hướng dẫn (Follow-the-Leader Dance), Nhảy theo kiểu vũ điệu (Basic Ballet and Folk Dance), Nhảy theo câu chuyện (Storytelling Dance), Nhảy với dụng cụ (Dance with Props)</p>
	<p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.</p>	<p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm.</p>	<p>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp).</p>
	<p>- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.</p>	<p>- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.</p>	<p>- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.</p>
	<p>- Sử dụng một số kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.</p>	<p>- Sử dụng các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.</p>	<p>- Phối hợp các kĩ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p>
	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình.</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.</p>	<p>- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.</p>
<p>3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động</p>	<p>- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.</p>	<p>- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.</p>	<p>- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).</p>

Nội dung	3 - 4 tuổi	4 - 5 tuổi	5 - 6 tuổi
nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình).	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích và theo trí tưởng tượng sáng tạo của bản thân
		- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	
	- Đặt tên cho sản phẩm của mình. <i>- Khám phá và làm quen với phần mềm vẽ Kids Doodle</i> <i>- Vẽ và tô màu tranh đơn giản trên bảng tương tác hoặc máy tính bảng bằng Paint Joy</i> <i>- Sáng tạo tranh điện tử: vẽ, phối màu và trang trí trên Tinkercad</i> <i>- Lưu trữ và quản lý sản phẩm tranh điện tử trên thiết bị cá nhân</i> <i>- Giới thiệu và trình chiếu sản phẩm tranh điện tử trước nhóm bạn</i> <i>- Thuyết trình ý tưởng và mô tả nội dung tranh số qua bảng tương tác hoặc máy chiếu</i> <i>- Tham gia trò chơi vẽ tranh tự do kết hợp tô màu sáng tạo trên bảng tương tác</i> <i>- Tổ chức triển lãm tranh điện tử trong lớp học và chia sẻ cảm nhận</i> <i>- Học cách sử dụng công cụ vẽ, tô màu cơ bản trong phần mềm với sự hướng dẫn của cô giáo</i> <i>- Phối hợp nhóm nhỏ tạo tranh điện tử và thuyết trình sản phẩm chung</i>		

D. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC, HÌNH THỨC TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

I. CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.

- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

2. Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự *định hướng, gợi mở* của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

3. Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

4. Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nền nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

II. HÌNH THỨC TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.

- Tổ chức lễ, hội: **Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Ngày hội đến trường của bé; Trung thu yêu thương; Ngày hội Bé trao yêu thương; Ngày hội Steam; Chắp cánh ước mơ - Bé tri ân thầy cô; Hội diễn văn nghệ / Giao lưu “Gia đình và bé”; “Bé vui cùng Anh Bộ đội cụ Hồ; Xuân yêu thương - Tết Việt trong mắt bé; Bé vui hội trò chơi dân gian; Bé nói lời yêu thương - Mừng 8/3; Ngày hội ẩm thực / Bé vào bếp cùng mẹ/bố (Masterchef)**

Ngày hội thể dục thể thao nhí- Bé yêu Tổ quốc Việt Nam; Bé khám phá thế giới xanh; Ngày hội trưởng thành - Ươm mầm tỏa sáng; Họp phụ huynh – tọa đàm chuyên đề giáo dục cùng phụ huynh, huy động sự tham gia của phụ huynh học sinh cùng nhà trường tổ chức các ngày lễ hội cho trẻ.

- Tổ chức hoạt động giao lưu giữa các lớp: các lớp nhà trẻ cùng độ tuổi, khác độ tuổi, giao lưu với lớp mẫu giáo, huy động sự tham gia của các bậc phụ huynh...

2. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.

- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

3. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.

- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp.

*** Tăng cường đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục:**

Nhằm thực hiện phương châm “Trường học thông minh – Bé tự tin toả sáng”, việc đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ mẫu giáo 3-6 tuổi cần tập trung vào việc ứng dụng công nghệ hiện đại với phương pháp giáo dục linh hoạt, sáng tạo và hướng đến phát triển toàn diện. Các hoạt động học và chơi được thiết kế trên nền tảng công nghệ số như bảng tương tác, máy tính bảng, phần mềm học tập và trò chơi giáo dục giúp trẻ làm quen và thành thạo kỹ năng số ngay từ nhỏ. Đồng thời, tổ chức các hoạt động trải nghiệm thực tế, khám phá, vận động đa dạng nhằm phát huy tối đa sự hứng thú và sáng tạo của trẻ. Việc tổ chức không chỉ giới hạn trong lớp học truyền thống mà còn mở rộng ra các không gian khác nhau như phòng STAEM, phòng máy tính, sân chơi ngoài trời, được trang bị thiết bị công nghệ hiện đại như bảng tương tác, máy tính bảng, phần mềm học tập tương tác giúp trẻ làm quen và phát triển kỹ năng số

Hình thức tổ chức phải đảm bảo tạo không gian mở, khuyến khích trẻ tự chủ, tự tin thể hiện bản thân qua các sản phẩm học tập, nghệ thuật và thuyết trình trước nhóm bạn. Sự kết hợp hài hòa giữa công nghệ và phương pháp giáo dục hiện đại giúp trẻ không chỉ phát triển về nhận thức, vận động, ngôn ngữ, cảm xúc mà còn rèn luyện kỹ năng giao tiếp, tư duy phản biện, sáng tạo và kỹ năng xã hội cần thiết cho thế kỷ 21.

III. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

1. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

2. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

- Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

3. Nhóm phương pháp dùng lời nói

- Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

4. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

- Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cố vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

5. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

*** Tăng cường đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục:**

Để thực hiện hiệu quả phương châm “Trường học thông minh – Bé tự tin toả sáng”, cần đổi mới phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng linh hoạt, tích cực, sáng tạo và ứng dụng công nghệ hiện đại. Phương pháp giáo dục chú trọng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của trẻ thông qua việc kết hợp giữa chơi và học, thực hành và trải nghiệm. Cô giáo sử dụng các phương pháp như học qua chơi, khám phá, thí nghiệm, tương tác trực tiếp với các thiết bị thông minh (bảng tương tác, máy tính bảng) để kích thích sự tò mò, phát triển tư duy và kỹ năng số cho trẻ. Đồng thời, khuyến khích trẻ thể hiện cá tính, phát huy năng lực tự tin giao tiếp, thuyết trình, hợp tác trong nhóm. Sự linh hoạt trong phương pháp tổ chức giúp tạo ra môi trường học tập thân thiện, kích thích sự sáng tạo và rèn luyện kỹ năng mềm, đồng thời phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý từng độ tuổi 3-6 tuổi. Qua đó, trẻ được phát triển toàn diện về nhận thức, thể chất, ngôn ngữ, tình cảm và xã hội, góp phần xây dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài.

IV. TỔ CHỨC MÔI TRƯỜNG CHO TRẺ HOẠT ĐỘNG

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

Môi trường vật chất trong phòng lớp cần được bố trí khoa học, an toàn và thân thiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ phát triển toàn diện cả về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và xã hội. Phòng lớp được thiết kế với không gian rộng rãi, thoáng mát, đủ ánh sáng tự nhiên và hệ thống chiếu sáng hợp lý. Các góc chơi, học được sắp xếp rõ ràng, phân khu chức năng gồm: góc chơi xây dựng, góc sáng tạo nghệ thuật, góc khám phá khoa học, góc ngôn ngữ, góc vận động tinh... mỗi góc có đầy đủ đồ dùng, vật liệu, đồ chơi phù hợp với độ tuổi của trẻ.

Ngoài ra, trang thiết bị và đồ dùng học tập phải đảm bảo an toàn, dễ sử dụng và được thay đổi, bổ sung thường xuyên nhằm kích thích sự tò mò, sáng tạo và khám phá của trẻ. Bàn ghế, vật dụng được chọn lựa phù hợp với kích thước và tư thế của trẻ để tạo sự thoải mái, thuận tiện khi tham gia các hoạt động. Môi trường lớp học còn được trang trí sinh động với tranh ảnh, cây xanh, các sản phẩm sáng tạo của trẻ, tạo cảm giác gần gũi, thân thiện và kích thích hứng thú học tập.

Việc duy trì vệ sinh sạch sẽ, an toàn phòng cháy chữa cháy và bảo đảm các tiêu chuẩn về ánh sáng, nhiệt độ cũng là yếu tố quan trọng để bảo vệ sức khỏe và sự phát triển của trẻ trong quá trình hoạt động tại lớp.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

Môi trường ngoài trời cần được thiết kế an toàn, thân thiện và hấp dẫn để khuyến khích trẻ tham gia các hoạt động vận động, khám phá và trải nghiệm. Khu vực ngoài trời rộng rãi, sạch sẽ, có hệ thống sân chơi bằng vật liệu phù hợp, bề mặt phẳng, không trơn trượt, đảm bảo an toàn cho trẻ khi chạy nhảy, leo trèo và tham gia các trò chơi vận động.

Các dụng cụ chơi vận động ngoài trời như xích đu, cầu trượt, bập bênh, nhà bóng và các thiết bị vận động đa dạng được bố trí hợp lý, đảm bảo phù hợp với lứa tuổi và phát triển thể chất của trẻ. Đồng thời, cần có các góc thiên nhiên như vườn hoa, vườn rau, chậu cây để trẻ khám phá, chăm sóc và học hỏi về thiên nhiên, góp phần phát triển kỹ năng quan sát và ý thức bảo vệ môi trường.

Môi trường ngoài trời cũng cần được trang bị các thiết bị che nắng, che mưa, có khu vực nghỉ ngơi, bồn rửa tay để đảm bảo vệ sinh và bảo vệ sức khỏe cho trẻ trong suốt thời gian hoạt động. Đặc biệt, giáo viên cần thường xuyên kiểm tra, bảo trì, sửa chữa thiết bị và duy trì vệ sinh khu vực ngoài trời để đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ trong mọi hoạt động.

2. Môi trường xã hội

Môi trường xã hội là yếu tố quan trọng giúp hình thành nhân cách, phát triển kỹ năng giao tiếp và năng lực xã hội cho trẻ. Một môi trường xã hội tích cực trong trường mầm non được xây dựng dựa trên sự gắn kết, tôn trọng, hợp tác giữa trẻ với trẻ, giữa trẻ với giáo viên và giữa nhà trường với gia đình.

Trong lớp học, cô giáo là người hướng dẫn, đồng hành, lắng nghe và khuyến khích trẻ bày tỏ cảm xúc, ý kiến, ý tưởng cá nhân. Trẻ được tạo cơ hội làm việc nhóm, chơi cùng bạn, giải quyết vấn đề cùng nhau và học cách chia sẻ, hợp tác, giúp đỡ người khác. Các

hoạt động được tổ chức theo hướng tăng cường tính tương tác, giúp trẻ rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và thể hiện bản thân một cách tự tin.

Bên cạnh đó, môi trường xã hội mở rộng còn bao gồm mối liên kết giữa nhà trường – gia đình – cộng đồng. Trường mầm non tổ chức các hoạt động giao lưu, ngày hội, ngày lễ, hoạt động trải nghiệm cùng phụ huynh và cộng đồng để trẻ học hỏi, tiếp xúc, mở rộng mối quan hệ xã hội và hiểu hơn về thế giới xung quanh. Sự phối hợp chặt chẽ giữa giáo viên và cha mẹ cũng tạo điều kiện hỗ trợ trẻ phát triển một cách toàn diện và đồng bộ cả ở trường lẫn ở nhà.

Môi trường xã hội tích cực góp phần nuôi dưỡng lòng tự tin, tinh thần trách nhiệm, sự tôn trọng và khả năng thích nghi xã hội – những năng lực thiết yếu giúp trẻ sẵn sàng bước vào môi trường học tập tiếp theo và phát triển bền vững trong tương lai.

E. ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ VÀ CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

I. MỤC ĐÍCH ĐÁNH GIÁ:

Đánh giá sự phát triển của trẻ và chất lượng thực hiện chương trình nhằm theo dõi, ghi nhận mức độ đạt được của trẻ theo các lĩnh vực phát triển, từ đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc – giáo dục phù hợp với nhu cầu, năng lực và hứng thú của từng trẻ.

Việc đánh giá giúp giáo viên nhận diện kịp thời những khó khăn, thuận lợi trong quá trình thực hiện chương trình để có biện pháp hỗ trợ hiệu quả, đồng thời phát hiện và bồi dưỡng những trẻ có năng khiếu nổi trội.

Mục đích đánh giá còn nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc – giáo dục trẻ, đảm bảo chương trình giáo dục mầm non được triển khai một cách khoa học, linh hoạt và phù hợp với thực tế từng nhóm/lớp, góp phần thực hiện phương châm “Trường học thông minh – Bé tự tin toả sáng”.

Ngoài ra, kết quả đánh giá là cơ sở để giáo viên trao đổi, phối hợp với phụ huynh trong việc hỗ trợ sự phát triển của trẻ, cũng như giúp nhà trường đánh giá hiệu quả quản lý, tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực cho trẻ trong thời đại số.

II. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

- Lựa chọn một số mục tiêu trong Chương trình giáo dục Mầm non và Chương trình bổ sung nâng cao để đánh giá năng lực trẻ theo các lĩnh vực phát triển. Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ; thái độ, trạng thái cảm xúc và hành vi của trẻ; kiến thức, kỹ năng của trẻ

Đánh giá chất lượng thực hiện chương trình: Mức độ phù hợp giữa kế hoạch giáo dục với nhu cầu, đặc điểm phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn lớp học; Hiệu quả của các hình thức tổ chức, phương pháp giáo dục, việc tích hợp ứng dụng công nghệ và đổi mới nội dung dạy học; Mức độ tham gia tích cực của trẻ trong các hoạt động học, chơi, trải nghiệm, khám phá,...Mức độ phối hợp giữa giáo viên – phụ huynh –

nhà trường trong việc hỗ trợ sự phát triển của trẻ; Hiệu quả sử dụng môi trường giáo dục, thiết bị dạy học, tài liệu, phần mềm và ứng dụng công nghệ số phù hợp với độ tuổi.

III. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ:

1. Quan sát hàng ngày

Giáo viên quan sát trực tiếp các hoạt động thường nhật của trẻ trong môi trường tự nhiên của lớp học và ngoài trời để nhận diện năng lực, hành vi, cảm xúc, thái độ và sự tiến bộ của từng trẻ. Quan sát được thực hiện thường xuyên, liên tục, trong các tình huống đa dạng nhằm đảm bảo tính khách quan và toàn diện.

2. Trao đổi với trẻ

Giáo viên trò chuyện, đặt câu hỏi, gợi mở, khuyến khích trẻ chia sẻ suy nghĩ, cảm nhận, giải thích hành động, ý tưởng của mình. Qua đó, giúp giáo viên hiểu rõ hơn về cách tư duy, khả năng ngôn ngữ, nhận thức và cảm xúc của trẻ.

3. Phân tích sản phẩm của trẻ

Dựa trên các sản phẩm học tập như tranh vẽ, bài ghép hình, mô hình, sản phẩm tạo hình, video thuyết trình, sản phẩm điện tử (tranh số, trò chơi tự tạo,...), giáo viên đánh giá mức độ sáng tạo, khả năng tư duy, phối hợp kỹ năng và tính cá nhân hóa trong biểu đạt của trẻ.

5. Phỏng vấn, thảo luận với phụ huynh

Giáo viên trao đổi, thu thập thông tin từ phụ huynh để có cái nhìn đầy đủ, thống nhất về sự phát triển của trẻ tại trường và ở nhà. Phụ huynh là nguồn thông tin quan trọng giúp phát hiện sớm những biểu hiện bất thường hoặc năng lực nổi trội của trẻ.

6. Sử dụng bảng kiểm, hồ sơ theo dõi sự phát triển của trẻ

Áp dụng bảng kiểm tra mục tiêu phát triển theo độ tuổi, các phiếu đánh giá định kỳ để ghi nhận mức độ đạt được của trẻ theo mục tiêu giáo dục. Giáo viên tổng hợp dữ liệu, nhận xét định kỳ và lập kế hoạch hỗ trợ cá nhân hóa cho từng trẻ.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá

Sử dụng phần mềm đánh giá, bảng tương tác, máy tính bảng để ghi nhận, lưu trữ sản phẩm số, video, hình ảnh hoạt động của trẻ. Qua đó tạo kho tư liệu đánh giá khách quan, thuận tiện theo dõi tiến trình phát triển cá nhân theo thời gian.

IV. HÌNH THỨC BÁO CÁO VÀ SỬ DỤNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

1. Hình thức báo cáo kết quả đánh giá

- Báo cáo định kỳ: Giáo viên thực hiện báo cáo kết quả đánh giá sự phát triển của trẻ theo tháng, học kỳ và cuối năm học thông qua phiếu nhận xét, bảng tổng hợp chỉ số phát triển, sản phẩm cá nhân và hồ sơ học tập.

- Báo cáo chuyên đề, chuyên môn: Báo cáo kết quả triển khai các nội dung đổi mới chương trình, phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục, ứng dụng công nghệ,... đến Ban giám hiệu và các tổ chuyên môn để đánh giá hiệu quả thực hiện.

- Trình bày thông tin đánh giá bằng hình ảnh/video/sản phẩm số: Thực hiện các báo cáo sinh động thông qua hình thức trình chiếu sản phẩm học tập, video hoạt động của trẻ, ảnh tư liệu, sản phẩm nghệ thuật số, giúp minh chứng cụ thể và rõ nét hơn.

2. Sử dụng kết quả đánh giá

- Là cơ sở để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục phù hợp với nhu cầu, năng lực, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tiễn lớp học.

- Hỗ trợ trẻ phát triển toàn diện thông qua việc cá nhân hóa giáo dục: phát hiện kịp thời trẻ có khó khăn để hỗ trợ sớm, đồng thời tạo điều kiện phát triển cho trẻ có năng lực nổi trội.

- Tăng cường phối hợp giữa giáo viên và phụ huynh trong việc theo dõi, chăm sóc, giáo dục trẻ một cách liên tục và hiệu quả.

- Là căn cứ để đánh giá chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non và đề xuất các biện pháp đổi mới, cải tiến hoạt động chuyên môn tại nhà trường.

- Góp phần xây dựng hồ sơ năng lực, hồ sơ học tập số cho trẻ, giúp giáo viên và nhà trường quản lý, theo dõi sự tiến bộ của trẻ theo thời gian một cách khoa học, minh bạch và hiện đại.

IV. THỜI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ.

1. Đánh giá thường xuyên (liên tục hàng ngày)

- Giáo viên quan sát, ghi nhận sự phát triển của trẻ qua các hoạt động trong ngày (học, chơi, sinh hoạt, ăn, ngủ, giao tiếp...) để kịp thời điều chỉnh hoạt động giáo dục, hỗ trợ cá nhân hóa phù hợp với từng trẻ.

2. Đánh giá định kỳ

- Cuối tháng: Tổng hợp kết quả phát triển của trẻ trong tháng, đối chiếu với mục tiêu giáo dục đã đề ra.

- Giữa học kỳ và cuối học kỳ: Thực hiện đánh giá toàn diện theo các lĩnh vực phát triển, sử dụng bảng kiểm, hồ sơ học tập, sản phẩm của trẻ để phản ánh mức độ đạt được so với mục tiêu.

- Cuối năm học: Tổng kết sự phát triển toàn diện của trẻ sau một năm học, là căn cứ để bàn giao chất lượng cho lớp sau hoặc chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi sẵn sàng vào lớp 1.

3. Đánh giá theo giai đoạn/chuyên đề

- Khi tổ chức các hoạt động theo chủ đề, dự án, hoặc sự kiện đặc biệt, giáo viên tiến hành đánh giá sự tham gia và khả năng thể hiện của trẻ theo từng chuyên đề (ví dụ: STEAM, nghệ thuật số, khám phá khoa học...).

- Sau các hoạt động trình diễn, triển lãm, hoặc sinh hoạt chuyên đề để ghi nhận sự tiến bộ, khả năng sáng tạo và hợp tác nhóm.

PHẦN IV
HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
“Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”

1. Căn cứ xây dựng chương trình

- Trường Mầm non Hoàng Công xây dựng chương trình giáo dục dựa trên Chương trình Giáo dục Mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với định hướng phát triển giáo dục hiện đại, ứng dụng công nghệ số, lấy trẻ làm trung tâm. Bên cạnh các nội dung cốt lõi, nhà trường lựa chọn bổ sung các nội dung phù hợp với xu thế giáo dục hiện đại, như:

- + Tiếp cận công nghệ số qua bảng tương tác, máy tính bảng, điện thoại thông minh;
- + Làm quen với phần mềm học tập, phần mềm vẽ, kể chuyện số;
- + Ứng dụng giáo dục STEAM, phát triển kỹ năng mềm và kỹ năng thuyết trình.
- + Tạo môi trường học tập thông minh, sáng tạo và khuyến khích trẻ tự tin thể hiện bản thân.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục linh hoạt và cá thể hóa

- + Giáo viên chủ động thiết kế kế hoạch giáo dục theo nhóm/lớp, căn cứ vào:

- Mục tiêu phát triển toàn diện trẻ theo độ tuổi;

- + Đặc điểm cá nhân và nhu cầu phát triển riêng của từng trẻ;

+ Điều kiện thực tế, cơ sở vật chất và năng lực đội ngũ.

+ Kế hoạch đảm bảo tích hợp công nghệ và phương pháp hiện đại, hướng đến phát huy tối đa năng lực cá nhân, giúp trẻ mạnh dạn, tự tin, sáng tạo và chủ động trong học tập.

- + Tổ chức hoạt động giáo dục theo hướng mở, tích hợp, ứng dụng công nghệ số.

+ Các lĩnh vực giáo dục được triển khai tích hợp theo các chủ đề gần gũi, thân thuộc với cuộc sống, giúp trẻ học tập thông qua trải nghiệm.

2. Nhà trường đẩy mạnh:

- Ứng dụng công nghệ số trong tổ chức hoạt động: trẻ vẽ tranh số, kể chuyện bằng phần mềm, thiết kế tranh ghép số, trình chiếu sản phẩm cá nhân qua máy chiếu hoặc bảng tương tác;

- Giáo dục dựa trên dự án, hoạt động STEAM, hoạt động nhóm nhỏ sáng tạo, giao tiếp tương tác;

- Phát triển năng lực thể hiện bản thân qua các hoạt động như: "Thuyết trình nhí", "Sân khấu sáng tạo", "Bé kể chuyện công nghệ".

- Đổi mới phương pháp và khuyến khích giáo viên sáng tạo
- Giáo viên được tạo điều kiện chủ động, linh hoạt lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức phù hợp với mục tiêu và điều kiện thực tế:

- Ứng dụng phương pháp Montessori trong phát triển kỹ năng sống, tự lập;
- Ứng dụng Reggio Emilia để khuyến khích trẻ thể hiện cảm xúc, sáng tạo nghệ thuật và quan sát thiên nhiên;
- Triển khai giáo dục theo phương pháp STEAM và học qua dự án để phát triển tư duy phản biện, hợp tác nhóm và giải quyết vấn đề.

- Giáo viên được quyền thử nghiệm, được hỗ trợ và không bị áp lực về hình thức – chỉ đánh giá qua tính phù hợp và hiệu quả.

3. Lộ trình phát triển chương trình giai đoạn 2025–2030

- Năm học: 2025–2026

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông minh các hoạt động quản lý và tổ chức các hoạt động giáo dục (Các hoạt động khám phá, toán, tạo hình, âm nhạc...). đồng thời xây dựng kho tài nguyên học liệu số của trường.

+ Thử nghiệm tích hợp tiếng anh vào chương trình hoạt động một ngày của trẻ- cụ thể đưa điểm danh thông minh (khi bố mẹ đưa con đến trường) vào thay thế điểm danh thủ công – Lấy hoạt động điểm danh để tổ chức hoạt động làm quen với Tiếng Anh

+ Ký kết hợp đồng chuyển giao chương trình giáo dục Steam Nhật Bản (Steam khoa học đưa vào 11 chủ đề: Pháo không khí, phản ứng hoá học, Màu sắc 3D, Âm thanh, Điều, Rocket, Không khí ma sát, Gương, Bóng, Lực từ trường, Cơ chế kết dính), tổ chức đào tạo 100% giáo viên được tham gia chương trình đào tạo để giảng dạy tại trường.

+ Ứng dụng tổ chức hoạt động trải nghiệm giáo dục STEAM ở lĩnh vực khám phá khoa học, hoạt động tạo hình,....

+ Triển khai dạy kỹ năng sống theo phương pháp Montessori

+ Thử nghiệm dạy học theo dự án tại khối mẫu giáo lớn 5-6 tuổi.

+ Lồng ghép giáo dục thanh lịch – văn minh cho trẻ 5 tuổi.

- Năm học: 2026–2027

+ Tiếp tục ứng dụng hoạt động giáo dục STEAM Nhật Bản ở tất cả các lĩnh vực.

+ Phát triển truyền thông giáo dục “Trẻ sáng tạo cùng công nghệ” lan toả phương châm trường học thông minh – Bé tự tin toả sáng.

+ Tiếp tục lồng ghép giáo dục thanh lịch – văn minh cho trẻ 5 tuổi.

+ Triển khai dạy kỹ năng sống theo phương pháp Montessori

+ Thử nghiệm dạy học theo dự án tại khối mẫu giáo nhỡ 4-5 tuổi.

- Năm học: 2027–2028

+ Tiếp tục kế thừa và phát triển các nội dung phát triển chương trình của 2026-2027.

+ Phát triển hoạt động dạy học theo dự án tại 13 nhóm lớp (project-based learning).

+ Khuyến khích trẻ tạo sản phẩm số (tranh, truyện, thuyết trình).

- Năm học 2028–2029:

+ Tiếp tục kế thừa và phát triển các nội dung phát triển chương trình của 2027-2028.

+ Tăng cường đánh giá năng lực qua hồ sơ học tập số.

- Phát triển câu lạc bộ công nghệ sáng tạo, nghệ thuật số cho trẻ mẫu giáo lớn.

- Năm 2029–2030

+ Tiếp tục kế thừa và phát triển các nội dung phát triển chương trình của 2028-2029.

- Hoàn thiện mô hình “Lớp trường học thông minh – Trẻ tự tin tỏa sáng”.

- Tổ chức triển lãm số: “Dấu ấn sáng tạo của bé”.

4. Theo dõi, điều chỉnh và cá nhân hóa hoạt động học tập

- Nhà trường thực hiện việc theo dõi sự phát triển của trẻ liên tục, linh hoạt.

- Giáo viên sử dụng công cụ quan sát, sản phẩm học tập, công nghệ số để theo dõi sự tiến bộ của trẻ.

- Từ đó điều chỉnh hoạt động phù hợp với từng trẻ, giúp phát huy điểm mạnh, hỗ trợ khắc phục hạn chế.

5. Phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu – hỗ trợ trẻ có khó khăn

- Phối hợp với phụ huynh và chuyên gia để phát hiện, nuôi dưỡng năng khiếu trong các lĩnh vực: âm nhạc, tạo hình, công nghệ, kể chuyện, trình diễn...

- Kịp thời phát hiện trẻ có khó khăn trong phát triển, xây dựng kế hoạch can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập, đảm bảo mọi trẻ đều có cơ hội tỏa sáng.

6. Phối hợp gia đình – nhà trường – cộng đồng trong giáo dục

- Nhà trường chủ động phối hợp với phụ huynh và cộng đồng để tạo môi trường giáo dục thống nhất, thân thiện và hiệu quả:

- Tổ chức hội thảo “Cha mẹ cùng con trưởng thành trong thời đại số”;

- Phối hợp tổ chức sân chơi sáng tạo, triển lãm sản phẩm số của trẻ;

- Xây dựng kênh truyền thông “Góc sáng tạo bé yêu” để chia sẻ hoạt động học tập của trẻ đến phụ huynh.

Với phương châm “Trường học thông minh – Bé tự tin tỏa sáng”, Trường Mầm non Hoàng Công cam kết không ngừng đổi mới, sáng tạo và hội nhập trong công tác chăm sóc, giáo dục trẻ. Nhà trường sẽ tiếp tục phát huy nội lực, tận dụng hiệu quả các nguồn lực xã

hội và công nghệ hiện đại để xây dựng một môi trường học tập lý tưởng – nơi mỗi đứa trẻ đều được tôn trọng, nuôi dưỡng ước mơ và tỏa sáng theo cách riêng của mình.

**TM. NHÀ TRƯỜNG
HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Thị Thanh Vân